

Số: 220/BC-BVCM

Chương Mỹ, ngày 21.. tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO

Tình hình quản lý sử dụng, công khai, kê khai tài sản công năm 2024 tại bệnh viện đa khoa huyện Chương Mỹ

Căn cứ Luật quản lý tài sản công năm 2017;

Căn cứ Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ tài chính Quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 29/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Quyết định 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ thông tư số 23/2023/TT-BTC Hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 06/01/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;

Bệnh viện đa khoa huyện Chương Mỹ tổng hợp báo cáo tình hình quản lý, sử dụng, công khai tài sản công năm 2024 thuộc Bệnh viện đa khoa huyện Chương Mỹ quản lý như sau:

1. Tình hình quản lý, sử dụng tài sản công:

Công tác quản lý, sử dụng tài sản công của đơn vị luôn được chú trọng, đảm bảo thực hiện theo đúng Luật quản lý sử dụng tài sản công và quy chế sử dụng tài sản của đơn vị. Thực hiện hiện hiệu quả đảm bảo tiết kiệm sử dụng đúng tiêu chuẩn định mức, đúng mục đích phục vụ trong công việc hoạt động khám chữa bệnh mang lại hiệu quả công việc cao nhất.

Tài sản cố định được theo dõi trên hệ thống sổ sách kế toán của đơn vị và cập nhật vào phần mềm quản lý tài sản nhà nước theo quy định. Công tác quản lý

tài sản được gắn với công tác lập, chấp hành dự toán ngân sách nhà nước, đảm bảo phù hợp với quá trình đầu tư xây dựng, sửa chữa bảo dưỡng, mua sắm, sử dụng, trên tinh thần tiết kiệm, sử dụng có hiệu quả; đồng thời, thực hiện công khai, kiểm kê và trích hao mòn theo quy định, Trong đó:

*Tài sản là đất: Có 01 tài sản, diện tích sử dụng 13.855,5m², diện tích đất không kinh doanh là 13.855,5m², diện tích đất cho thuê là 0 m², diện tích đất liên doanh liên kết là 0m².

- Giá trị: 46.424.238.300 đồng.

Bệnh viện đa khoa huyện Chương Mỹ đã làm hồ sơ trình Sở Tài Nguyên môi trường đề nghị chuyển hình thức giao đất.

Ngày 21/12/2023 UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 6484/QĐ-UBND về việc điều chỉnh thời hạn sử dụng đất và chuyển hình thức Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức Nhà nước cho thuê đất đối với 13.855,5m² đất tại thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ cho Bệnh viện đa khoa huyện Chương Mỹ để tiếp tục làm trụ sở làm việc y tế.

Ngày 19/01/2024 Bệnh viện đa khoa huyện Chương Mỹ đã làm hồ sơ đề nghị miễn tiền thuê đất gửi chi cục thuế khu vực Thanh Oai- Chương Mỹ theo mẫu số 01/MGTH (Ban hành kèm theo thông tư số 80/2021/TT-BTC).

*Tài sản là nhà: Có 14 tài sản không kinh doanh phục vụ khám chữa bệnh

- Nguyên giá: 68.107.615.118 đồng

- Giá trị còn lại: 51.341.746.390 đồng

Trong đó:

- Nhà cấp II bao gồm 11 đơn vị: Nhà 2 tầng khoa Khám bệnh khu A, Nhà kỹ thuật 2 tầng - khoa khám bệnh khu B (Nơi cấp thuốc BHYT, phòng khám Sản, phòng khám ngoại, thường trực BHYT, phòng khám Tai Mũi họng), Nhà 3 tầng khoa Nội, Nhà 3 tầng khoa Nhi- Hồi sức cấp cứu, Nhà 2 tầng khoa Y học cổ truyền, Nhà 3 tầng khu Hành chính- Kế hoạch, Nhà khoa dinh dưỡng, Nhà cầu nối nổi khu nhà kỹ thuật cao 5 tầng với khu nhà Hành chính- Kế hoạch và khu nhà Khoa Nhi hồi sức, Nhà khoa Truyền nhiễm, Nhà kỹ thuật cao 5 tầng, Nhà khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn.

- Nhà cấp III bao gồm 02 đơn vị: Nhà mổ cũ 1 tầng; Nhà để xe nhân viên,

- Nhà cấp IV bao gồm 01 đơn vị: Nhà Đại thể

*Xe ô tô :

- Số lượng ô tô theo dõi trên sổ kế toán: 02 chiếc

- Nguyên giá: 1.113.696.600 đồng

- Giá trị còn lại: 115.071.781 đồng

(Thực tế đơn vị có 04 chiếc gồm: 01 xe công tác chung, 03 xe cứu thương, trong đó có 02 xe chưa có quyết định xác lập sở hữu toàn dân (01 xe Ivenco nhận của Công ty ô tô Trường Hải qua trung tâm cấp cứu 115 vào năm 2021 nguyên giá 1.200.000.000đ đã làm hồ sơ gửi Trung tâm cấp cứu 115 làm đầu mối làm hồ sơ xác lập sở hữu toàn dân tính đến nay chưa có quyết định; 01 xe ô tô nhận tài trợ của ngân hàng Viettinbank vào năm 2011 nguyên giá 806.000.000 đồng chưa xác lập sở hữu toàn dân do không có đủ hồ sơ).

*Máy móc thiết bị chuyên môn:



- Số lượng sổ sách 163, số lượng thực tế kiểm kê 162 (01 máy thở dành cho trẻ và trẻ sơ sinh đã chuyển ra bệnh viện Hà đông nhưng chưa có Quyết định điều chuyển)

- Nguyên giá: 58.707.945.039 đồng

- Giá trị còn lại: 21.419.297.521 đồng

* Tài sản khác:

- Số lượng: 248

- Nguyên giá: 12.891.064.346 đồng

- Giá trị còn lại: 3.447.189.421 đồng

Tài sản mua sắm đều được công khai kế hoạch mua sắm, công khai kết quả mua sắm tại các cuộc họp của bệnh viện. Thực hiện đúng Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công theo Quyết định số 335/QĐ-BVCM ngày 25/03/2024 của Bệnh viện đa khoa huyện Chương Mỹ.

Tài sản sau khi mua sắm được hạch toán đầy đủ về hiện vật và giá trị.

Trong năm bệnh viện đã thực hiện mua sắm mới 58 đơn vị tài sản trị giá: 12.764.594.004 đồng, tiếp nhận bàn giao 02 tài sản trị giá 875.568.258 đồng, thanh lý và ghi giảm 72 tài sản hỏng không sử dụng được đã hết hao mòn: nguyên giá 10.688.282.462 đồng.

- Về sửa chữa: Trong năm bệnh viện có thực hiện sửa chữa nhiều tài sản chuyên dùng, việc sửa chữa không làm thay đổi công năng, năng suất nên không ghi nhận tăng nguyên giá tài sản.

2. Công tác sắp xếp lại, xử lý tài sản là nhà đất.

Trong năm 2024 bệnh viện đa khoa huyện Chương Mỹ không có tài sản nhà, đất điều chuyển sắp xếp lại.

3. Kế khai tài sản công.

Đơn vị thực hiện kê khai tài sản công theo đúng Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Thủ tướng chính phủ. Trong năm 2024 đơn vị có phát sinh liên quan đến kê khai tại điều 121, 122, 123 tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP. (Chi tiết tại mẫu số 04c-ĐK/TSC).

4. Thực hiện công khai tài sản.

Đơn vị thực hiện công khai tình hình quản lý sử dụng tài sản trụ sở làm việc, tài sản khác, xây dựng và công khai kế hoạch mua sắm tài sản, kết quả mua sắm tài sản theo đúng quy định. (Chi tiết tại mẫu biểu số 09b, 09c, 09d).

5. Sử dụng định mức trang thiết bị.

Thực hiện mua sắm trang bị và sử dụng tài sản tại các phòng làm việc thực hiện đúng theo Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiêu chuẩn định mức sử dụng thiết bị máy móc, và Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 06/01/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các đơn vị trực thuộc Sở Y tế. Tài sản sau khi mua được sử dụng đúng công năng, hiệu suất đạt hiệu quả cao.



6. Quy chế sử dụng tài sản công.

Từ đầu năm 2024 Bệnh viện đa khoa huyện Chương Mỹ đã ban hành quy chế sử dụng tài sản công thuộc Bệnh viện đa khoa huyện Chương Mỹ quản lý tại Quyết định số 335/QĐ-BVCM ngày 25/03/2024, Quy chế được lấy ý kiến và công khai cho tất cả nhân viên và người lao động tại bệnh viện. Nhằm đảm bảo các cán bộ viên chức nắm rõ các quy định của việc quản lý và sử dụng tài sản công để từ đó thực hiện sử dụng tài sản một cách tiết kiệm hiệu quả, mang lại hiệu quả cao trong việc thực hiện nhiệm vụ tại bệnh viện.

Trên đây là báo cáo tình hình quản lý, sử dụng, công khai, kê khai tài sản công năm 2024 tại Bệnh viện đa khoa huyện Chương Mỹ./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế;
- Các khoa, phòng BV;
- Lưu: VT, TCKT.

GIÁM ĐỐC



Đỗ Việt Tuyền



**BÁO CÁO KÊ KHAI TÀI SẢN CÓ ĐỊNH KHÁC CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
(NGOÀI TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP, XE Ô TÔ)**

TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (Nghìn đồng)				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG					
					Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp				
						Nguồn NS	Trong đó			Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác		
													Nguồn khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Đầu hòa Daikin 12000BTU 1 chiều	01.TS2019.22	Việt Nam	2017	22/07/2019	15,300		15,300	15,300		X				
Đầu hòa Daikin18000BTU 1 chiều	01.TS2019.23	Thái Lan	2017	22/07/2019	25,280		25,280	25,280		X				
Đầu hòa Panasonic 18000BTU 2 chiều	01.TS2019.25	Malaysia	2017	22/07/2019	26,000		26,000	26,000		X				
Đầu hòa Daikin 12000BTU 2 chiều	01.TSCĐ2019.24	Việt Nam	2017	22/07/2019	18,170		18,170	18,170		X				
Đầu hòa Daikin 12000BTU 1 chiều	02.TS2019.22	Việt Nam	2017	22/07/2019	15,300		15,300	15,300		X				
Đầu hòa Daikin18000BTU 1 chiều	02.TS2019.23	Thái Lan	2017	22/07/2019	25,280		25,280	25,280		X				
Đầu hòa Panasonic 18000BTU 2 chiều	02.TS2019.25	Malaysia	2017	22/07/2019	26,000		26,000	26,000		X				
Đầu hòa Daikin 12000BTU 2 chiều	02.TSCĐ2019.24	Việt Nam	2017	22/07/2019	18,170		18,170	18,170		X				
Đầu hòa Daikin 12000BTU 1 chiều	03.TS2019.22	Việt Nam	2017	22/07/2019	15,300		15,300	15,300		X				
Đầu hòa Panasonic 18000BTU 2 chiều	03.TS2019.25	Malaysia	2017	22/07/2019	26,000		26,000	26,000		X				
Đầu hòa Daikin 12000BTU 1 chiều	04.TS2019.22	Việt Nam	2017	22/07/2019	15,300		15,300	15,300		X				
Đầu hòa Daikin 12000BTU 1 chiều	05.TS2019.22	Việt Nam	2017	22/07/2019	15,300		15,300	15,300		X				
Đầu hòa Daikin 12000BTU 1 chiều	06.TS2019.22	Việt Nam	2017	22/07/2019	15,300		15,300	15,300		X				
Đầu hòa Daikin 12000BTU 1 chiều	07.TS2019.22	Việt Nam	2017	22/07/2019	15,300		15,300	15,300		X				
Đầu hòa Daikin 12000BTU 1 chiều	08.TS2019.22	Việt Nam	2017	22/07/2019	15,300		15,300	15,300		X				
Đầu hòa Daikin 12000BTU 1 chiều	09.TS2019.22	Việt Nam	2017	22/07/2019	15,300		15,300	15,300		X				
Đầu hòa Daikin 12000BTU 1 chiều	10.TS2019.22	Việt Nam	2017	22/07/2019	15,300		15,300	15,300		X				
Đầu hòa Daikin 12000BTU 1 chiều	ĐĐ01	Nhật Bản		01/01/2010	270,000	270,000		101,250		X				
Đầu hòa Daikin 12000BTU 1 chiều	BĐC01	Đức		01/01/2010	340,200	340,200		127,575		X				
Đầu hòa Daikin 12000BTU 1 chiều	BĐC02	Đức		01/01/2010	299,500	299,500		112,313		X				

TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (Ngìn đồng)					HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG					
					Tổng cộng	Nguyên giá			Giá trị còn lại	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp			Sử dụng khác	
							Trong đó				Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê		Liên doanh, liên kết
							Nguyên NS	Nguyên khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
ụng cụ phẫu thuật tiêu hóa	BDC04	Đức		01/01/2013	338,500	338,500		211,563		X					
ụng cụ phẫu thuật chấn thương	BDC05	Đức		01/01/2013	348,600	348,600		217,875		X					
ổ đa năng thủy lực điện	BMDN01	Nhật Bản		01/01/2010	498,600	498,600		186,975		X					
ổ đa năng thủy lực điện	BMDN02			01/01/2013	489,000	489,000		305,625		X					
soi đại tràng ống mềm video	BSDT01	Nhật Bản		01/01/2011	1,350,000	1,350,000		675,000		X					
ổ treo trần 1 chóa > 120.000 Lux	ĐM01	Mỹ		01/01/2010	349,300	349,300		130,988		X					
ổ di động >60.000 Lux	ĐM02	Nhật Bản		01/01/2010	259,200	259,200		97,200		X					
ổ treo trần 2 chóa >120.000 Lux + 120 Lux	ĐM03			01/01/2013	548,900	548,900		343,063		X					
ổ điện cao tần 300W/HF	DMD02	Mỹ		01/01/2010	257,100	257,100		96,413		X					
tiểu vàng da sơ sinh	ĐVD01			01/01/2010	59,300	59,300		22,238		X					
g Cấp Cứu Nhi	GCC01	Niu-Di-lân		01/01/2010	230,000	230,000		86,250		X					
g Cấp Cứu	GCC02	Nhật Bản		01/01/2010	165,700	165,700		62,138		X					
khoan	GK01			01/01/2014	98,894	98,894		79,115		X					
ụng mổ nội soi ổ bụng	HT02			01/01/2012	2,279,970	2,279,970		1,139,985		X					
íp trẻ sơ sinh	LAT01	Nhật Bản		01/01/2010	307,900	307,900		115,463		X					
om nước	MBN01.01			01/10/2017	36,000	36,000		36,000		X					
om nước	MBN01.02			01/10/2017	36,000	36,000		36,000		X					
oà nhiệt độ	MBN02.01			01/10/2017	14,966	14,966		14,966		X					
oà nhiệt độ	MBN02.02			01/10/2017	14,966	14,966		14,966		X					
oà nhiệt độ	MBN02.03			01/10/2017	14,966	14,966		14,966		X					
oà nhiệt độ	MBN02.04			01/10/2017	14,966	14,966		14,966		X					
oà nhiệt độ	MBN02.05			01/10/2017	14,966	14,966		14,966		X					
oà nhiệt độ	MBN02.06			01/10/2017	14,966	14,966		14,966		X					
oà nhiệt độ	MBN02.07			01/10/2017	14,966	14,966		14,966		X					
o tạt khúc xạ	MD01	Nhật Bản		01/01/2013	198,600	198,600		124,125		X					
o nồng độ cồn trong máu	MD02			01/01/2015	16,500	16,500		14,438		X					
ổt cổ tử cung cao tần	MDCTC01			01/01/2011	275,600	275,600		137,800		X					
liên tim 6 kênh	MDT01			01/01/2010	70,000	70,000		26,250		X					
liên tim 3 kênh	MDT03			01/06/2016	34,286	34,286		34,286		X					
liên tim 3 kênh	MDT03K.1			01/01/2014	39,900	39,900		4,988		X					
liên tim 3 kênh	MDT3K.2			01/01/2014	39,900	39,900		4,988		X					

TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (Nghìn đồng)					HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG				
					Nguyên giá			Giá trị còn lại	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp			Sử dụng khác	
					Tổng cộng	Trong đó				Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê		Liên doanh, liên kết
						Nguyên NS	Nguyên khác							
					1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Y tế khẩn cấp	MGM01			01/01/2009	559,796	559,796		139,949		X				
Thiết bị liên tục áp lực thấp	MH01			01/01/2014	16,500	16,500		12,375		X				
Phụ tùng sơ sinh	MLAT01.01	Mexico	2013	01/01/2013	298,900	298,900		186,813		X				
Phụ tùng sơ sinh	MLAT01.02	Mexico	2013	01/01/2013	298,900	298,900		186,813		X				
Tấm 24 ống	MLT01			01/01/2013	58,690	58,690		36,681		X				
Tấm 16 ống	MLT02			28/12/2016	88,876	88,876		77,767		X				
Ionitor theo dõi BN 7TS	MM02			01/01/2010	260,000	260,000		97,500		X				
Ionitor theo dõi BN 5TS	MM03			01/01/2010	171,300	171,300		64,238		X				
Ionitor sản khoa 2 chức năng	MM04	Nhật Bản		01/01/2010	188,900	188,900		70,838		X				
Ionitor theo dõi BN 6TS	MM05			01/01/2011	295,700	295,700		147,850		X				
Thiết bị soi tai mũi họng	MNS01			01/01/2009	250,000	250,000		62,500		X				
Thiết bị soi tai mũi họng	MNS02			01/01/2010	335,000	335,000		125,625		X				
Thiết bị rung tim	MPRT01	Nhật Bản		01/01/2010	165,500	165,500		62,063		X				
Thiết bị đo bão hòa Oxy trong máu P10	mpt04.2	Hàn Quốc		01/01/2015	18,800	18,800		4,700		X				
Thiết bị âm mắt	MSA03			01/01/2011	660,000	660,000		330,000		X				
Thiết bị phân tích sinh hóa tự động 400 test/giờ	MSH02	Mỹ		01/01/2012	2,190,250	2,190,250		1,095,125		X				
Thiết bị đo sản khoa 2 chức năng	MSK01.01	Đức		01/10/2017	141,923	141,923		141,923		X				
Thiết bị đo sản khoa 2 chức năng	MSK01.02	Đức		01/10/2017	141,923	141,923		141,923		X				
Thuốc đông y	MST01.2			01/01/2009	24,000	24,000				X				
Thuốc đông y	MST02	Việt Nam		01/05/2016	42,000	42,000		36,750		X				
Thiết bị dành cho người lớn và trẻ em	MT01.01	Mỹ		01/01/2010	391,500	391,500				X				
Thiết bị dành cho trẻ em và trẻ sơ sinh	MT02	Mỹ		01/01/2010	597,400	597,400		224,025		X				
Thiết bị quang di động	MXQ03	Nhật Bản		01/01/2010	729,000	729,000		273,375		X				
Thiết bị quang răng	MXQ04	Italia		01/01/2010	125,000	125,000		46,875		X				
Thiết bị tiêm chủng 110 lít	NH01	Nhật Bản		01/01/2009	250,000	250,000		62,500		X				
Thiết bị tiêm chủng 300L	NH02	Mỹ		01/01/2012	1,190,000	1,190,000		595,000		X				
Thiết bị nằm đón tiếp khám chữa bệnh	PM01			23/02/2016	36,000	36,000		36,000		X				
Thiết bị vệ sinh khám mắt	SHV01	Nhật Bản		01/01/2010	265,000	265,000		99,375		X				
Thiết bị gạch và trải asphalt	SLG01			01/01/2012	72,000	72,000		43,200		X				
Thiết bị bao xây gạch	TB01			01/01/2009	57,600	57,600		23,040		X				
Nước sạch toàn bệnh viện	TCNS01			01/01/2012	2,140,322	2,140,322		1,284,193		X				

TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (Ngìn đồng)					HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG				
					Tổng cộng	Nguyên giá			Giá trị còn lại	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp			
						Trong đó					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết
						Nguyên NS	7	8						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TS01			01/01/2009	210,000	210,000		52,500		X				
ất vát công nghiệp	TS2011.01	Đức	2011	01/01/2011	795,821	795,821		238,746		X				
y khô đồ vải	TS2011.02			01/01/2011	661,822	661,822		198,547		X				
iến thể	TS2011.03		2011	01/06/2011	843,000	843,000		252,900		X				
ỳ mẽ kèm thờ có theo đôi khi mẽ	TS2018.01	Đức		01/09/2018	1,100,000	1,100,000		1,100,000		X				
ị hồi sức sơ sinh chạy điện	TS2018.02	Argentina		01/09/2018	299,500	299,500		299,500		X				
p tiết trùng ≥ 300 lit	TS2018.03	Đài Loan		27/07/2018	990,000	990,000		990,000		X				
150 lit	TS2018.04	Đức	2017	27/07/2018	79,000	79,000		79,000		X				
eo đôi bệnh nhân 5 thông số	TS2018.05	Nhật bản	2017	12/09/2018	180,000	180,000		180,000		X				
eo đôi sản khoa 2 chức năng	TS2018.06.01	Đức	2017	03/05/2018	129,800	129,800		129,800		X				
eo đôi sản khoa 2 chức năng	TS2018.06.02	Đức	2017	03/05/2018	129,800	129,800		129,800		X				
ất nghiệm huyết học tự động ≥ 18 thông số	TS2018.07	Nhật bản	2017	02/02/2018	299,250	299,250		299,250		X				
an Farafin ≥ 20 lit	TS2018.08	Việt Nam	2017	01/01/2018	24,000	24,000		24,000		X				
g kéo giãn cột sống	TS2018.09	Hàn Quốc	2018	02/08/2018	147,000	147,000		147,000		X				
êu âm điều trị	TS2018.10	Hàn Quốc	2017	01/02/2018	44,000	44,000		44,000		X				
ra khoa+ Máy lấy cao răng	TS2018.11	Trung Quốc	2017	01/01/2018	108,000	108,000		108,000		X				
oi đáy mắt	TS2018.12	Đức	2017	01/01/2018	11,485	11,485		11,485		X				
áy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA	TS2018.13.01	Ấn độ		13/09/2018	14,200	14,200		14,200		X				
ống thông tin quản lý xét nghiệm LIS	TS2018.14			26/11/2018	99,900	99,900		99,900		X				
ống xếp hàng tự động	TS2018.15			16/12/2018	99,980	99,980		99,980		X				
chiếu Casio + Font	TS2018.16	Nhật Bản	2018	20/12/2018	30,947	30,947		30,947		X				
điều hòa Mitsubishi 18.000BTU 2 chiều	TS2018.17.01.01	Thái Lan		10/09/2018	27,050	27,050		27,050		X				
điều hòa Mitsubishi 18.000BTU 2 chiều	TS2018.17.01.02	Thái Lan		10/09/2018	27,050	27,050		27,050		X				
điều hòa Mitsubishi 18.000BTU 2 chiều	TS2018.17.02	Thái Lan		10/09/2018	27,050	27,050		27,050		X				
điều hòa Daikin 12.000PTU 2 chiều	TS2018.17.03.01	Thái Lan		10/09/2018	17,000	17,000		17,000		X				
điều hòa Daikin 12.000PTU 2 chiều	TS2018.17.03.02	Thái Lan		10/09/2018	17,000	17,000		17,000		X				
điều hòa Daikin 12.000PTU 2 chiều	TS2018.17.03.03	Thái Lan		10/09/2018	17,000	17,000		17,000		X				
điều hòa Daikin 12.000PTU 2 chiều	TS2018.17.04	Thái Lan		10/09/2018	17,000	17,000		17,000		X				
điều hòa Daikin 12.000PTU 2 chiều	TS2018.17.05	Thái Lan		10/09/2018	17,000	17,000		17,000		X				

TÀI SẢN		KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỐ KẾ TOÁN (Nghìn đồng)					HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG				
						Tổng cộng	Nguyên giá			Giá trị còn lại	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp			
								Trong đó				Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết
								Nguyên NS	Nguyên khác						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
điều hòa Daikin 12.000PTU 1 chiều	TS2018.17.06	Thái Lan		10/09/2018	14,900		14,900	14,900		X					
điều hòa Daikin 12.000PTU 1 chiều	TS2018.17.07	Thái Lan		10/09/2018	14,900		14,900	14,900		X					
chiếu vàng da sơ sinh	TS2019.01.01	Hàn Quốc	2018	15/02/2019	33,800			33,800	33,800	X					
chiếu vàng da sơ sinh	TS2019.01.02	Hàn Quốc	2018	15/02/2019	33,800			33,800	33,800	X					
theo dõi bệnh nhân 5 thông số (serial	TS2019.02	Nhật Bản	2018	15/01/2019	180,000			180,000	180,000	X					
ng hồi sức điều khiển điện	TS2019.03.01	Việt Nam	2018	15/01/2019	23,000			23,000	23,000	X					
ng hồi sức điều khiển điện	TS2019.03.02	Việt Nam	2018	15/01/2019	23,000			23,000	23,000	X					
bom truyền dịch (serial 1810010020)	TS2019.04	Nhật Bản	2018	15/01/2019	35,000			35,000	35,000	X					
bom truyền dịch (serial 1810010021)	TS2019.05	Nhật bản	2018	15/01/2019	35,000			35,000	35,000	X					
bom truyền dịch (serial 1810010186)	TS2019.06	Nhật Bản	2018	15/01/2019	35,000			35,000	35,000	X					
ĩ máu (serial 1002800338)	TS2019.07	Đức	2018	15/01/2019	94,200			94,200	94,200	X					
điện tim 6 cần (serial 14589)	TS2019.08	Nhật	2018	17/04/2019	80,000			80,000	80,000	X					
siêu âm màu 4D (Serial 6004402WXO)	TS2019.09	Trung Quốc	2018	17/04/2019	1,850,000			1,850,000	1,850,000	X					
ửa tay vô trùng (Tân Hương)	TS2019.10	Việt Nam	2018	16/04/2019	70,000			70,000	70,000	X					
lắc máu (serial 1903138)	TS2019.11	Đài loan	2019	10/07/2019	15,000			15,000	15,000	X					
ox cánh kính để đồ khử khuẩn (2x1,2m)	TS2019.12			05/10/2018	23,110	23,110			20,799	X					
ox để thức ăn (1x 0.8m) 4 tầng	TS2019.13			05/10/2018	15,390	15,390			13,851	X					
hồ đo lượng nước thải	TS2019.14.01			01/01/2019	21,835	21,835			21,835	X					
hồ đo lượng nước thải	TS2019.14.02			01/01/2019	21,835	21,835			21,835	X					
ổng kiểm soát nhà xe thông minh (theo HD ĐMB/TTZ-BVCM/2018 ngày 12/11/2018)	TS2019.15		2018	02/01/2019	93,379	93,379			93,379	X					
Photocopy kỹ thuật số DC V 3065 CPS	TS2019.16	Việt Nam	2018	22/07/2019	83,325			83,325	83,325	X					
Điều hòa Daikin 12000BTU 1 chiều	TS2019.17.01	Việt Nam	2017	22/07/2019	15,300			15,300	15,300	X					
Điều hòa Daikin 12000BTU 1 chiều	TS2019.17.02	Việt Nam	2017	22/07/2019	15,300			15,300	15,300	X					
Điều hòa Daikin 12000BTU 1 chiều	TS2019.17.03	Việt Nam	2017	22/07/2019	15,300			15,300	15,300	X					
áy vi tính Acer M263 +Lư điện 500VA	TS2019.17.07	Ấn độ		13/09/2018	14,200			14,200	14,200	X					
điều hòa Đại kin 18000BTU 1 chiều	TS2019.18	Thái Lan	2017	22/07/2019	25,280			25,280	25,280	X					
điều hòa Daikin 12000BTU 2 chiều	TS2019.19	Việt Nam	2017	22/07/2019	18,170			18,170	18,170	X					

TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỐ KẾ TOÁN (Nghìn đồng)					HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
					Tổng cộng	Nguyên giá			Giá trị còn lại	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp			Sử dụng khác		
							Trong đó				Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê		Liên doanh, liên kết	
								Nguồn NS								Nguồn khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		
điều hòa Panasonic 18000BTU 2 chiều	TS2019.20	Malaysia	2017	22/07/2019	26,000			26,000	26,000	X						
điều hòa Daikin 12000BTU 2 chiều	TS2019.21	Việt Nam	2017	22/07/2019	18,170			18,170	18,170	X						
điều hòa Daikin 12000BTU 2 chiều	TS2019.26	Việt Nam	2017	22/07/2019	18,170			18,170	18,170	X						
vi tính để bàn Acer Veriton ES2730G	TS2019.27	Trung Quốc	2019	30/07/2019	14,980			14,980	14,980	X						
vi tính để bàn Acer Veriton ES2730G	TS2019.28.01	Trung Quốc	2019	30/07/2019	14,980			14,980	14,980	X						
vi tính để bàn Acer Veriton ES2730G	TS2019.28.02	Trung Quốc	2019	30/07/2019	14,980			14,980	14,980	X						
vi tính để bàn Acer Veriton ES2730G	TS2019.29	Trung Quốc	2019	30/07/2019	14,980			14,980	14,980	X						
vi tính để bàn Acer Veriton ES2730G	TS2019.30.01	Trung Quốc	2019	30/09/2019	14,980			14,980	14,980	X						
vi tính để bàn Acer Veriton ES2730G	TS2019.30.02	Trung Quốc	2019	30/09/2019	14,980			14,980	14,980	X						
vi tính để bàn Acer Veriton ES2730G	TS2019.32.01	Trung Quốc	2019	30/09/2019	14,980			14,980	14,980	X						
vi tính để bàn Acer Veriton ES2730G	TS2019.32.02	Trung Quốc	2019	30/09/2019	14,980			14,980	14,980	X						
vi tính để bàn Acer Veriton ES2730G	TS2019.32.03	Trung Quốc	2019	30/09/2019	14,980			14,980	14,980	X						
vi tính để bàn Acer Veriton ES2730G	TS2019.33.02	Trung Quốc	2019	30/09/2019	14,980			14,980	14,980	X						
vi tính để bàn Acer Veriton ES2730G	TS2019.34	Trung Quốc	2019	30/09/2019	14,980			14,980	14,980	X						
vi tính để bàn Acer Veriton ES2730G	TS2019.35	Trung Quốc	2019	30/09/2019	14,980			14,980	14,980	X						
vi tính để bàn Acer Veriton ES2730G	TS2019.36.01	Trung Quốc	2019	30/07/2019	14,980			14,980	14,980	X						
vi tính để bàn Acer Veriton ES2730G	TS2019.36.02	Trung Quốc	2019	30/07/2019	14,980			14,980	14,980	X						
vi tính để bàn Acer Veriton ES2730G	TS2019.36.03	Trung Quốc	2019	30/07/2019	14,980			14,980	14,980	X						
vi tính để bàn Acer Veriton ES2730G	TS2019.38.01	Trung Quốc	2019	30/07/2019	14,980			14,980	14,980	X						
vi tính để bàn Acer Veriton ES2730G	TS2019.38.02	Trung Quốc	2019	30/07/2019	14,980			14,980	14,980	X						
vi tính để bàn Acer Veriton ES2730G	TS2019.39	Trung Quốc	2019	30/07/2019	14,980			14,980	14,980	X						
vi tính để bàn Acer Veriton ES2730G	TS2019.40	Trung Quốc	2019	30/07/2019	14,980			14,980	14,980	X						
vi tính để bàn Acer Veriton ES2730G	TS2019.41	Trung Quốc	2019	30/07/2019	14,980			14,980	14,980	X						
vi tính để bàn Acer Veriton FS2730G	TS2019.42	Trung Quốc	2019	30/07/2019	14,980			14,980	14,980	X						
vi tính để bàn Acer Veriton ES2730G	TS2019.43	Trung Quốc	2019	30/07/2019	14,980			14,980	14,980	X						

TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (Nghìn đồng)					HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG				
					Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp				
						Nguồn NS	Trong đó			Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	
														Nguồn khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
ĩ tính để bán Acer Veriton ES2730G	TS2019.45	Trung Quốc	2019	30/07/2019	14,980		14,980	14,980	14,980	X				
ĩ tính để bán Acer Veriton ES2730G	TS2019.46	Trung Quốc	2019	30/07/2019	14,980		14,980	14,980	14,980	X				
hân tích đồng máu tự động >130test/giờ 900476)	TS2019.47	Áo	2019	25/09/2019	700,000	700,000		700,000	700,000	X				
tết nghiệm sinh hóa tự động >600test/ giờ 00400CS008)	TS2019.48	Đức	2019	25/09/2019	1,900,000	1,900,000		1,900,000	1,900,000	X				
áy số tự động (Hóa đơn số CU/17P	TS2019.50	Việt Nam	2019	25/10/2019	55,000			55,000	55,000	X				
áy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA	TS2020.17.07	Ấn độ		13/09/2018	14,200			14,200	14,200	X				
áy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA	TS2021.17.07	Ấn độ		13/09/2018	14,200			14,200	14,200	X				
áy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA	TS2023.17.07	Ấn độ		13/09/2018	14,200			14,200	14,200	X				
áy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA	TS2024.17.07	Ấn độ		13/09/2018	14,200			14,200	14,200	X				
áy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA	TS2025.17.07	Ấn độ		13/09/2018	14,200			14,200	14,200	X				
áy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA	TS2026.17.07	Ấn độ		13/09/2018	14,200			14,200	14,200	X				
áy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA	TS2027.17.07	Ấn độ		13/09/2018	14,200			14,200	14,200	X				
áy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA	TS2028.17.07	Ấn độ		13/09/2018	14,200			14,200	14,200	X				
áy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA	TS2029.17.07	Ấn độ		13/09/2018	14,200			14,200	14,200	X				
áy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA	TS2030.17.07	Ấn độ		13/09/2018	14,200			14,200	14,200	X				
áy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA	TS2031.17.07	Ấn độ		13/09/2018	14,200			14,200	14,200	X				
áy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA	TS2033.17.07	Ấn độ		13/09/2018	14,200			14,200	14,200	X				
áy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA	TS2034.17.07	Ấn độ		13/09/2018	14,200			14,200	14,200	X				
áy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA	TS2035.17.07	Ấn độ		13/09/2018	14,200			14,200	14,200	X				
áy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA	TS2036.17.07	Ấn độ		13/09/2018	14,200			14,200	14,200	X				
áy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA	TS2037.17.07	Ấn độ		13/09/2018	14,200			14,200	14,200	X				
áy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA	TS2038.17.07	Ấn độ		13/09/2018	14,200			14,200	14,200	X				
áy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA	TS2039.17.07	Ấn độ		13/09/2018	14,200			14,200	14,200	X				
áy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA	TS2040.17.07	Ấn độ		13/09/2018	14,200			14,200	14,200	X				
áy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA	TS2041.17.07	Ấn độ		13/09/2018	14,200			14,200	14,200	X				

TÀI SẢN		KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỐ KẾ TOÁN (Ngìn đồng)					HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
						Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15			
máy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA	TS2042.17.07	Ấn độ		13/09/2018	14,200		14,200	14,200		X							
máy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA	TS2043.17.07	Ấn độ		13/09/2018	14,200		14,200	14,200		X							
máy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA	TS2045.17.07	Ấn độ		13/09/2018	14,200		14,200	14,200		X							
máy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA	TS2046.17.07	Ấn độ		13/09/2018	14,200		14,200	14,200		X							
máy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA	TS2047.17.07	Ấn độ		13/09/2018	14,200		14,200	14,200		X							
đồ độ bảo hòa Oxy	TSCD 2011.01	Mỹ		21/12/2011	64,800	64,800				X							
đồ độ bảo hòa Oxy	TSCD 2011.02	Mỹ		21/12/2011	64,800	64,800				X							
máy vi tính Acer Veriton ES2740G	TSCD.2021.02	Trung Quốc	2021	13/09/2021	14,950		14,950	14,950		X							
máy vi tính Acer Veriton ES2740G	TSCD.2021.03	Trung Quốc	2021	13/09/2021	14,950		14,950	14,950		X							
máy vi tính Acer Veriton ES2740G	TSCD.2021.04	Trung Quốc	2021	13/09/2021	14,950		14,950	14,950		X							
máy vi tính Acer Veriton ES2740G	TSCD.2021.05	Trung Quốc	2021	13/09/2021	14,950		14,950	14,950		X							
máy vi tính Acer Veriton ES2740G	TSCD.2021.07	Trung Quốc	2021	13/09/2021	14,950		14,950	14,950		X							
máy vi tính Acer Veriton ES2740G	TSCD.2021.08	Trung Quốc	2021	13/09/2021	14,950		14,950	14,950		X							
máy vi tính Acer Veriton ES2740G	TSCD.2021.09	Trung Quốc	2021	13/09/2021	14,950		14,950	14,950		X							
máy vi tính Acer Veriton ES2740G	TSCD.2021.10	Trung Quốc	2021	13/09/2021	14,950		14,950	14,950		X							
máy vi tính Acer Veriton ES2740G	TSCD.2021.11	Trung Quốc	2021	13/09/2021	14,950		14,950	14,950		X							
máy vi tính Acer Veriton ES2740G	TSCD.2021.12	Trung Quốc	2021	13/09/2021	14,950		14,950	14,950		X							
máy vi tính Acer Veriton ES2740G	TSCD.2021.13	Trung Quốc	2021	13/09/2021	14,950		14,950	14,950		X							
máy vi tính Acer Veriton ES2740G	TSCD.2021.14	Trung Quốc	2021	13/09/2021	14,950		14,950	14,950		X							
máy vi tính Acer Veriton ES2740G	TSCD.2021.15	Trung Quốc	2021	13/09/2021	14,950		14,950	14,950		X							
máy vi tính Acer Veriton ES2740G	TSCD.2021.16	Trung Quốc	2021	13/09/2021	14,950		14,950	14,950		X							
hóa treo tường Daikin 9000BTU 1 chiều	TSCD.2021.17	Việt Nam		30/09/2021	11,500		11,500	11,500		X							
hóa treo tường Daikin 9000BTU 1 chiều	TSCD.2021.18	Việt Nam		30/09/2021	11,500		11,500	11,500		X							
hóa treo tường Daikin 9000BTU 1 chiều	TSCD.2021.19	Việt Nam		30/09/2021	11,500		11,500	11,500		X							
hóa treo tường Panasonic 12000BTU 2	TSCD.2021.20	Malaysia		30/09/2021	17,500		17,500	17,500		X							

TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỐ KẾ TOÁN (Nghìn đồng)					HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG					
					Tổng cộng	Nguyên giá			Giá trị còn lại	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp			Sử dụng khác	
							Trong đó				Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê		Liên doanh, liên kết
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
hỏa treo tường Panasonic 12000BTU 2	TSCD.2021.21	Malaysia		30/09/2021	17,500			17,500	17,500		X				
hỏa treo tường Panasonic 12000BTU 2	TSCD.2021.22	Malaysia		30/09/2021	17,500			17,500	17,500		X				
hỏa treo tường Panasonic 12000BTU 2	TSCD.2021.23	Malaysia		30/09/2021	17,500			17,500	17,500		X				
hỏa treo tường Panasonic 12000BTU 2	TSCD.2021.24	Malaysia		30/09/2021	17,500			17,500	17,500		X				
hỏa treo tường Panasonic 12000BTU 2	TSCD.2021.25	Malaysia		30/09/2021	17,500			17,500	17,500		X				
hỏa treo tường Panasonic 12000BTU 2	TSCD.2021.26	Malaysia		30/09/2021	17,500			17,500	17,500		X				
hỏa treo tường Panasonic 12000BTU 2	TSCD.2021.27	Malaysia		30/09/2021	17,500			17,500	17,500		X				
hỏa treo tường Panasonic 12000BTU 2	TSCD.2021.28	Malaysia		30/09/2021	17,500			17,500	17,500		X				
hỏa treo tường Panasonic 12000BTU 2	TSCD.2021.29	Malaysia		30/09/2021	17,500			17,500	17,500		X				
hỏa treo tường Panasonic 12000BTU 2	TSCD.2021.30	Malaysia		30/09/2021	17,500			17,500	17,500		X				
hỏa treo tường Panasonic 12000BTU 2	TSCD.2021.31	Malaysia		30/09/2021	17,500			17,500	17,500		X				
hỏa Daikin treo tường 18000BTU 1 chiều	TSCD.2021.32	Thái Lan		30/09/2021	25,300			25,300	25,300		X				
hỏa Daikin treo tường 18000BTU 1 chiều	TSCD.2021.33	Thái Lan		30/09/2021	25,300			25,300	25,300		X				
hỏa Panasonic treo tường 18000BTU 2	TSCD.2021.35	Malaysia		30/09/2021	26,900			26,900	26,900		X				
hỏa Panasonic treo tường 18000BTU 2	TSCD.2021.36	Malaysia		30/09/2021	26,900			26,900	26,900		X				
hỏa Panasonic treo tường 18000BTU 2	TSCD.2021.37	Malaysia		30/09/2021	26,900			26,900	26,900		X				
hỏa Panasonic treo tường 18000BTU 2	TSCD.2021.38	Malaysia		30/09/2021	26,900			26,900	26,900		X				
chứa Oxy lỏng 5m3 (mã hiệu RFDL5/1.6-	TSCD.2021.39			09/12/2021	704,000		704,000		704,000		X				
hỏa hơi 300 m3/h (mã hiệu TG300/40)	TSCD.2021.40			09/12/2021	60,500		60,500		60,500		X				
điều áp khí kép	TSCD.2021.41			09/12/2021	49,500		49,500		49,500		X				
g công trình Trạm cấp lỏng hóa khí	TSCD.2021.42		2021	15/12/2021	77,523		77,523		77,523		X				
siêu âm tổng quát (4D, 3 đầu dò)	TSCD.2021.43	Nhật	2021	23/12/2021	1,496,250		1,496,250		1,496,250		X				
X quang kỹ thuật số chụp tổng quát (2 tấm	TSCD.2021.44	Nhật Bản	2021	23/12/2021	3,980,000		3,980,000		3,980,000		X				
tổng phẫu thuật nội soi (sản phụ khoa)	TSCD.2021.45	Nhật bản	2021	23/12/2021	3,250,000		3,250,000		3,250,000		X				
thời Vsmart	TSCD.2021.46	Việt Nam	2020	22/12/2021	26,500		26,500		26,500		X				

TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỐ KẾ TOÁN (Nghìn đồng)				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
					Tổng cộng	Nguyên giá			Giá trị còn lại	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp				
							Trong đó				Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
hở Vsmart	TSCD.2021.47	Việt Nam	2020	22/12/2021	26,500	26,500			26,500		X				
hở Vsmart	TSCD.2021.48	Việt Nam	2020	22/12/2021	26,500	26,500			26,500		X				
hở Vsmart	TSCD.2021.49	Việt Nam	2020	22/12/2021	26,500	26,500			26,500		X				
rợ thờ	TSCD.2021.50	Trung Quốc	2020	22/12/2021	25,500	25,500			25,500		X				
xử lý nước thải	TSCD.2021.53	Việt Nam	2020	16/07/2020	955,893			955,893	860,304		X				
ống lấy số khám bệnh tự động (Kiosk lấy nhữ tự động +phần mềm điều khiển)	TSCD.2021.54.01	Việt Nam	2020	01/01/2021	66,660			66,660	66,660		X				
ống lấy số khám bệnh tự động (Kiosk lấy nhữ tự động +phần mềm điều khiển)	TSCD.2021.54.02	Việt Nam	2020	01/01/2021	66,660			66,660	66,660		X				
ống lấy số khám bệnh tự động (Kiosk lấy nhữ tự động +phần mềm điều khiển)	TSCD.2021.54.03	Việt Nam	2020	01/01/2021	66,660			66,660	66,660		X				
th Samaky	TSCD.2021.55	Việt Nam	2020	25/02/2020	17,500	17,500			17,500		X				
héo đổi bệnh nhân Mornitor	TSCD.2022.01			18/03/2022	19,642	19,642			19,642		X				
héo đổi bệnh nhân (mornitor)	TSCD.2022.02			18/03/2022	19,642	19,642			19,642		X				
áy vi tinh Acer Veriton ES2740G	TSCD.2023.06	Trung Quốc	2021	13/09/2021	14,950			14,950	14,950		X				
hiển vi 2 thị kính	TSCD2002.01			01/01/2002	12,000	12,000					X				
à máy răng kèm máy nén khí	TSCD2009.01	Nhật Bản		16/10/2009	310,000	310,000					X				
hiển vi nền đen	TSCD2009.02			01/01/2009	25,000	25,000					X				
ng Cấp Cứu	TSCD2011.03	Nhật Bản		01/03/2011	165,700	165,700					X				
truyền dịch	TSCD2011.07	Nhật Bản		21/12/2011	38,700	38,700					X				
truyền dịch	TSCD2011.08	Nhật Bản		21/12/2011	38,700	38,700					X				
phát điện dự phòng 50-200KVA	TSCD2011.12	Italia		18/05/2011	479,800	479,800					X				
X-quang di động	TSCD2011.17	Nhật Bản		21/12/2011	729,000	729,000					X				
hóa LG 12000BTU 2 chiều	TSCD2012.08	Việt Nam		20/12/2012	10,641			10,641			X				
hóa Panasonic 18000BTU 1 chiều	TSCD2012.09	Ma-lai-xi-a		20/12/2012	15,292			15,292			X				
hóa LG 12000BTU 2 chiều	TSCD2012.10	Việt Nam		20/12/2012	10,641			10,641			X				
hóa LG 12000BTU 2 chiều	TSCD2012.15	Việt Nam		20/12/2012	10,641			10,641			X				
theo dõi bệnh nhân 6 thông số	TSCD2012.20	Nhật Bản	2012	20/12/2012	209,000				209,000		X				
in ghế phòng họp giao ban	TSCD2012.25	Việt Nam	2012	12/11/2012	35,000			35,000			X				

TÀI SẢN		KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỐ KẾ TOÁN (Nghìn đồng)					HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG				
						Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp				
							Trong đó	Nguồn khác			Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	
															Nguồn NS
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
ng cụ phẫu thuật sản	TSCD2013	Đức		01/01/2013	199,000	199,000				X					
ng cụ phẫu thuật sản	TSCD2013.01	Đức		01/01/2013	199,000	199,000				X					
ng cụ phẫu thuật sản	TSCD2013.02	Đức		01/01/2013	199,000	199,000				X					
hiếu vàng da sơ sinh	TSCD2013.03	Hàn Quốc		01/01/2013	59,300	59,300				X					
hiếu vàng da sơ sinh	TSCD2013.04	Hàn Quốc		01/01/2013	59,300	59,300				X					
lỗ đa năng thủy lực	TSCD2013.20	Nhật Bản	2012	06/08/2013	448,300	448,300				X					
hòa LG 12000BTU 2 chiều	TSCD2013.28			25/11/2013	10,650		10,650			X					
hòa LG 12000BTU 2 chiều	TSCD2013.29			25/11/2013	10,650		10,650			X					
hòa LG 12000BTU 2 chiều	TSCD2013.30			25/11/2013	10,650		10,650			X					
ủa tay tự động vỏ trùng Composite-2 vôi	TSCD2014.29	Việt Nam	2014	30/12/2014	70,400		70,400			X					
ình hóa nước tiểu	TSCD2014.31	Anh		21/10/2014	25,356		25,356			X					
st vỏ trùng	TSCD2015.02			30/06/2015	10,500		10,500			X					
photocopy	TSCD2015.05	Nhật Bản		28/12/2015	73,000	73,000				X					
ng đa năng điều khiển điện	TSCD2015.06	Đài Loan		29/12/2015	49,200	49,200				X					
ng đa năng điều khiển điện	TSCD2015.08	Đài Loan		29/12/2015	49,200	49,200				X					
nút dịch Thomas 1632 1 bình	TSCD2015.14	Mỹ		23/10/2015	16,000	16,000				X					
nút dịch Thomas 1632 1 bình	TSCD2015.15	Mỹ		23/10/2015	16,000	16,000				X					
nút dịch Thomas 1632 1 bình	TSCD2015.16	Mỹ		23/10/2015	16,000	16,000				X					
nút dịch Thomas 1632 1 bình	TSCD2015.17	Mỹ		23/10/2015	16,000	16,000				X					
hòa LG 12000BTU	TSCD2015.18	Việt Nam		30/12/2015	10,710		10,710			X					
hòa LG 12000BTU	TSCD2015.19	Việt Nam		30/12/2015	10,710		10,710			X					
bat đĩa inox 4 tầng	TSCD2015.20			06/10/2015	21,570		21,570			X					
hòa LG 12000BTU 2 chiều	TSCD2015.29	Việt Nam		16/01/2015	10,665		10,665			X					
tiêm điện	TSCD2016.09			01/05/2016	32,886	32,886				X					
tiêm điện	TSCD2016.10			01/05/2016	32,886	32,886				X					
tiêm điện	TSCD2016.11			01/05/2016	32,886	32,886				X					
hòa LG 12000BTU	TSCD2016.20	Việt Nam		26/07/2016	11,078		11,078			X					
hòa LG 12000BTU	TSCD2016.21	Việt Nam		26/07/2016	11,078		11,078			X					
vi tính xách tay Dell	TSCD2017.06	Trung Quốc		17/03/2017	14,286	14,286				X					
vi tính xách tay Dell	TSCD2017.07	Trung Quốc		17/03/2017	14,286	14,286				X					
tiêm điện	TSCD2017.09	Thụy Sĩ	2016	28/12/2016	29,976	29,976				X					

TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỐ KẾ TOÁN (Ngìn đồng)					HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG					
					Tổng cộng	Nguyên giá			Giá trị còn lại	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp			Sử dụng khác	
							Trong đó				Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê		Liên doanh, liên kết
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
iêm điện	TSCD2017.10	Thụy Sĩ	2016	28/12/2016	29,976	29,976					X				
iêm điện	TSCD2017.11	Thụy Sĩ	2016	28/12/2016	29,976	29,976					X				
bị cân bằng tải Vigor 3900	TSCD2017.14			06/09/2017	25,000		25,000				X				
để thuốc đông y	TSCD2017.15	Việt Nam	2017	17/10/2017	20,500		20,500		2,563		X				
hòa Sumikura 12000BTU 2chiều	TSCD2017.23	Ma-lai-xi-a	2017	21/07/2017	11,920	11,920			1,490		X				
hòa Sumikura 12000BTU 2chiều	TSCD2017.24	Ma-lai-xi-a	2017	21/07/2017	11,920	11,920			1,490		X				
hòa Sumikura 12000BTU 2chiều	TSCD2017.25	Ma-lai-xi-a	2017	21/07/2017	11,920	11,920			1,490		X				
hòa Sumikura 12000BTU 2 chiều	TSCD2018.15	Ma-lai-xi-a	2017	12/01/2018	14,700			14,700	3,675		X				
hòa Sumikura 12000BTU 2 chiều	TSCD2018.16	Ma-lai-xi-a	2017	12/01/2018	14,700			14,700	3,675		X				
hòa Daikin 18000BTU 1 chiều	TSCD2018.17	Thái Lan	2017	12/01/2018	19,800			19,800	4,950		X				
iox để tái liệu	TSCD2019.22			22/11/2019	10,425			10,425			X				
u điện Santak Online C3K LCD	TSCD2019.23	Trung Quốc	2019	26/09/2019	40,000			40,000			X				
hở xách tay kèm van PEEP	TSCD2020.01	Ý	2019	12/03/2020	480,000	480,000			480,000		X				
hở xâm nhập và không xâm nhập	TSCD2020.02	Ireland	2019	21/04/2020	651,000	651,000			651,000		X				
đo độ bão hòa oxy qua da	TSCD2020.03	Hàn Quốc	2019	03/03/2020	70,000			70,000	70,000		X				
ngâm dụng cụ- 27646	TSCD2020.04.01	Đức	2019	17/09/2020	11,690			11,690	11,690		X				
ngâm dụng cụ- 27646	TSCD2020.04.02	Đức	2019	17/09/2020	11,690			11,690	11,690		X				
áy vi tính để bán Acer Veriton ES2735G	TSCD2020.LO01.01	Trung Quốc	2020	01/10/2020	14,900			14,900	14,900		X				
áy vi tính để bán Acer Veriton ES2735G	TSCD2020.LO01.02	Trung Quốc	2020	01/10/2020	14,900			14,900	14,900		X				
áy vi tính để bán Acer Veriton ES2735G	TSCD2020.LO01.03	Trung Quốc	2020	01/10/2020	14,900			14,900	14,900		X				
áy vi tính để bán Acer Veriton ES2735G	TSCD2020.LO01.04	Trung Quốc	2020	01/10/2020	14,900			14,900	14,900		X				
áy vi tính để bán Acer Veriton ES2735G	TSCD2020.LO01.05	Trung Quốc	2020	01/10/2020	14,900			14,900	14,900		X				
áy vi tính để bán Acer Veriton ES2735G	TSCD2020.LO01.06	Trung Quốc	2020	01/10/2020	14,900			14,900	14,900		X				
áy vi tính để bán Acer Veriton ES2735G	TSCD2020.LO01.07	Trung Quốc	2020	01/10/2020	14,900			14,900	14,900		X				
áy vi tính để bán Acer Veriton ES2735G	TSCD2020.LO01.08	Trung Quốc	2020	01/10/2020	14,900			14,900	14,900		X				
áy vi tính để bán Acer Veriton ES2735G	TSCD2020.LO01.09	Trung Quốc	2020	01/10/2020	14,900			14,900	14,900		X				
áy vi tính để bán Acer Veriton ES2735G	TSCD2020.LO01.10	Trung Quốc	2020	01/10/2020	14,900			14,900	14,900		X				

TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỐ KẾ TOÁN (Nghìn đồng)					HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG					
					Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp			Sử dụng khác		
						Nguồn NS	Trong đó			Nguồn khác	Không kinh doanh	Kinh doanh		Cho thuê	Liên doanh, liên kết
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
Máy vi tính để bàn Acer Veriton ES2735G	TSCD2020.LO01.1	Trung Quốc	2020	01/10/2020	14,900		14,900	14,900		X					
	TSCD2020.LO01.1	Trung Quốc	2020	01/10/2020	14,900		14,900	14,900		X					
	TSCD2020.LO01.1	Trung Quốc	2020	01/10/2020	14,900		14,900	14,900		X					
	TSCD2020.LO01.1	Trung Quốc	2020	01/10/2020	14,900		14,900	14,900		X					
	TSCD2020.LO01.1	Trung Quốc	2020	01/10/2020	14,900		14,900	14,900		X					
	TSCD2020.LO01.1	Trung Quốc	2020	01/10/2020	14,900		14,900	14,900		X					
	TSCD2020.LO01.1	Trung Quốc	2020	01/10/2020	14,900		14,900	14,900		X					
	TSCD2020.LO01.1	Trung Quốc	2020	01/10/2020	14,900		14,900	14,900		X					
	TSCD2020.LO01.1	Trung Quốc	2020	01/10/2020	14,900		14,900	14,900		X					
	TSCD2020.LO01.2	Trung Quốc	2020	01/10/2020	14,900		14,900	14,900		X					
Ổng khí y tế	TSCD2021.04			29/11/2021	858,869	858,869		601,208		X					
Ấp nước nóng lạnh	TSCD2021.09			25/01/2018	16,900		16,900			X					
Chăn ghế salon tiếp khách	TSCD2022			28/07/2022	10,000		10,000	6,000		X					
Ôm kính	TSCD2022.23	Việt Nam	2022	16/11/2022	20,664		20,664	15,498		X					
Kết nghiệm miễn dịch tự động	TSCD2023.01	Nhật Bản	2022	22/03/2023	2,370,000	2,370,000		2,370,000		X					
Đội soi dạ dày	TSCD2023.02		2022	25/08/2023	1,756,000		1,756,000	1,756,000		X					
Ấp Sanaky 600 lít VH-6009HP	TSCD2023.03			10/04/2023	23,000		23,000	23,000		X					
Ấp G 65 inch mã 65 UQ7550PSF	TSCD2023.04			04/10/2023	16,300		16,300	16,300		X					
Ấp Chiếu Maxcell Hitachi E303	TSCD2023.05			17/08/2023	19,550		19,550	19,550		X					
Ấp giặt cửa đứng Samsung Inverter 16kg 80BVSU	TSCD2023.06			20/07/2023	12,397		12,397	12,397		X					
Ấp máy tính để bàn	TSCD2023.07			23/11/2023	14,905		14,905	14,905		X					
Ấp máy vi tính để bàn	TSCD2023.08			23/11/2023	14,905		14,905	14,905		X					
Ấp máy vi tính để bàn	TSCD2023.09			23/11/2023	14,905		14,905	14,905		X					
Ấp máy vi tính để bàn	TSCD2023.10			23/11/2023	14,905		14,905	14,905		X					
Ấp đi động phục vụ trong giữ xe bệnh	TSCD2023.11			23/05/2023	159,500		159,500	159,500		X					
Ấp máy vi tính để bán Wiewsonic	TSCD2023.12			06/06/2023	14,300		14,300	14,300		X					
Ấp hóa Panasonic YZ12	TSCD2023.13			22/09/2023	18,625		18,625	18,625		X					
Ấp đi động phục vụ trong giữ xe cho bệnh	TSCD2023.14			08/12/2023	90,640		90,640	90,640		X					

TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUA T	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỐ KẾ TOÁN (Ngìn đồng)					HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG					
					Tổng cộng	Nguyên giá			Giá trị còn lại	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp				
							Trong đó				Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	
								Nguồn NS							Nguồn khác
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
à Panasonic YZ12	TSCD2023.15			22/09/2023	18,625			18,625		X					
ấy bệnh nhân	TSCD2024.01	Trung Quốc	2023	18/06/2024	19,740			19,740		X					
y y tinh Xigmatek Z	TSCD2024.02	Việt Nam	2024	03/01/2024	23,240			23,240		X					
à Panasonic 18000BTU 1 chiều	TSCD2024.03		2024	04/01/2024	19,908			19,908		X					
i điện Santak - mã hàng C6K-LCD	TSCD2024.04	Ca-na-đa	2023	30/01/2024	39,500			39,500		X					
ình bảng Samsung SM -T975 (S7Fe)	TSCD2024.06			30/01/2024	12,990			12,990		X					
x chờ đồ vải có nắp	TSCD2024.07	Việt Nam	2024	22/04/2024	12,000			12,000		X					
x chờ đồ vải có nắp	TSCD2024.08	Việt Nam	2024	22/04/2024	12,000			12,000		X					
long ghế Salong gỗ	TSCD2024.09	Việt Nam	2024	10/04/2024	13,500			13,500		X					
ình bảng Samsung SM -T975 (S7Fe)	TSCD2024.10			30/01/2024	12,990			12,990		X					
ình bảng Samsung SM -T975 (S7Fe)	TSCD2024.11			30/01/2024	12,990			12,990		X					
x chờ đồ vải	TSCD2024.12	Việt Nam	2024	22/04/2024	11,000			11,000		X					
x chờ đồ vải	TSCD2024.13	Việt Nam	2024	22/04/2024	11,000			11,000		X					
ệ Quang kỹ thuật số chụp tổng quát (2 tấm)	TSCD2024.14	Nhật Bản	2023	23/04/2024	3,000,000	3,000,000				X					
ống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	TSCD2024.15	Nhật Bản	2023	23/04/2024	2,195,000	2,195,000				X					
iều âm tổng quát (4Đ, 3 đầu dò)	TSCD2024.16	Nhật Bản	2023	23/04/2024	1,370,000	1,370,000				X					
ình hiển thị Syscall SR - A330 + thiết bị Syscall SRT-8200	TSCD2024.17	Hàn Quốc		24/04/2024	13,530			13,530		X					
nhân tích huyết học tự động (>=29 thông	TSCD2024.18	Trung Quốc		26/04/2024	500,000	500,000				X					
ống nội soi tai mũi họng	TSCD2024.19	Trung Quốc		26/04/2024	165,000	165,000				X					
chụp huỳnh quang đáy mắt	TSCD2024.21	Italia		26/04/2024	1,900,000	1,900,000				X					
nh HBC-80	TSCD2024.22	Trung Quốc		04/01/2024	16,699	16,699				X					
hóa Funiki 18000BTU	TSCD2024.23	Việt Nam	2023	31/07/2024	12,640			12,640		X					
hóa Funiki 18000BTU	TSCD2024.24	Việt Nam	2023	19/08/2024	12,800			13,824		X					
n mát 2 cánh Sanaky	TSCD2024.25		2024	13/05/2024	22,444			22,444		X					
giặt công nghiệp Flying Fish 50kg	TSCD2024.26	Trung Quốc	2023	30/07/2024	338,800	338,800				X					
sấy công nghiệp FlyingFish 70kg	TSCD2024.27	Trung Quốc	2023	30/07/2024	173,800	173,800				X					
hóa Funiki 18000BTU	TSCD2024.28	Việt Nam	2023	19/08/2024	13,824			13,824		X					
tơ theo dõi bệnh nhân (>= 5 thông số)	TSCD2024.29	Anh		26/04/2024	143,125	143,125				X					

TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỐ KẾ TOÁN (Ngìn đồng)					HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG				
					Tổng cộng	Nguyên giá			Giá trị còn lại	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp			
						Nguồn NS	Trong đó				Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết
							Nguồn khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
tor theo dõi bệnh nhân (>= 5 thông số)	TSCD2024.30	Anh		26/04/2024	143,125	143,125		143,125		X				
tor theo dõi bệnh nhân (>= 5 thông số)	TSCD2024.31	Anh		26/04/2024	143,125	143,125		143,125		X				
tor theo dõi bệnh nhân (>= 5 thông số)	TSCD2024.32	Anh		26/04/2024	143,125	143,125		143,125		X				
tor theo dõi bệnh nhân (>= 5 thông số)	TSCD2024.33	Anh		26/04/2024	143,125	143,125		143,125		X				
tor theo dõi bệnh nhân (>= 5 thông số)	TSCD2024.34	Anh		26/04/2024	143,125	143,125		143,125		X				
tor theo dõi bệnh nhân (>= 5 thông số)	TSCD2024.35	Anh		26/04/2024	143,125	143,125		143,125		X				
tor theo dõi bệnh nhân (>= 5 thông số)	TSCD2024.36	Anh		26/04/2024	143,125	143,125		143,125		X				
tor theo dõi bệnh nhân (>= 5 thông số)	TSCD2024.37	Anh		26/04/2024	143,125	143,125		143,125		X				
tor theo dõi bệnh nhân (>= 5 thông số)	TSCD2024.38	Anh		26/04/2024	143,125	143,125		143,125		X				
tor theo dõi bệnh nhân (>= 5 thông số)	TSCD2024.39	Anh		26/04/2024	143,125	143,125		143,125		X				
tor theo dõi bệnh nhân (>= 5 thông số)	TSCD2024.40	Anh		26/04/2024	143,125	143,125		143,125		X				
tor theo dõi bệnh nhân (>= 5 thông số)	TSCD2024.41	Anh		26/04/2024	143,125	143,125		143,125		X				
tor theo dõi bệnh nhân (>= 5 thông số)	TSCD2024.42	Anh		26/04/2024	143,125	143,125		143,125		X				
tor theo dõi bệnh nhân (>= 5 thông số)	TSCD2024.43	Anh		26/04/2024	143,125	143,125		143,125		X				
tor theo dõi bệnh nhân (>= 5 thông số)	TSCD2024.44	Anh		26/04/2024	143,125	143,125		143,125		X				
dây inox có bánh xe KT 1850 x 600x 480 -	TSCD2024.45	Việt Nam	2024	25/03/2024	18,375			18,375	18,375	X				
dây inox có bánh xe KT 1850 x 600x 480	TSCD2024.46	Việt Nam	2024	25/03/2024	18,375			18,375	18,375	X				
áy vi tính Xigmatek	TSCD2024.47	Việt Nam	2024	11/11/2024	15,297			15,297	15,297	X				
áy vi tính Xigmatek	TSCD2024.48	Việt Nam	2024	11/11/2024	15,297			15,297	15,297	X				
bom nước hòa tiền 2.5kw (pentax)	TSCD2024.49			28/11/2024	13,500			13,500	13,500	X				
áy vi tính Xigmatek	TSCD2024.50	Việt Nam	2024	11/11/2024	15,297			15,297	15,297	X				
áy vi tính để bàn (Huntkey)	TSCD2024.51	Việt Nam	2023	10/09/2024	14,894			14,894	14,894	X				
áy vi tính để bàn (Huntkey)	TSCD2024.52	Việt Nam	2023	10/09/2024	14,894			14,894	14,894	X				
áy vi tính để bàn (Huntkey)	TSCD2024.53	Việt Nam	2023	10/09/2024	14,894			14,894	14,894	X				
áy vi tính để bàn (Huntkey)	TSCD2024.54	Việt Nam	2023	10/09/2024	14,894			14,894	14,894	X				
áy vi tính để bàn (Huntkey)	TSCD2024.55	Việt Nam	2023	10/09/2024	14,894			14,894	14,894	X				
áy vi tính để bàn (Huntkey)	TSCD2024.57	Việt Nam	2023	10/09/2024	14,894			14,894	14,894	X				

TÀI SẢN		KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỐ KẾ TOÁN (Nghìn đồng)					HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG				
						Nguyên giá			Giá trị còn lại	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác
											Tổng cộng	Trong đó		Không kinh doanh	
						Nguồn NS	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
nhiệt	TSCD2024.58	Đức	2023	02/10/2024	24,500		24,500	24,500		X					
áy vi tính Xigmatek	TSCD2024.61	Việt Nam	2024	11/11/2024	15,297		15,297	15,297		X					
áy vi tính Xigmatek	TSCD2024.62	Việt Nam	2024	11/11/2024	15,297		15,297	15,297		X					
áy vi tính Xigmatek	TSCD2024.63	Việt Nam	2024	11/11/2024	15,297		15,297	15,297		X					
uẩn vi phẫu thuật mắt	TSCD2024.64	Nhật Bản		26/04/2024	300,000	300,000	300,000	300,000		X					
giặt LG 16kg	TSCS2016.28	Việt Nam		01/04/2016	19,800		19,800	19,800		X					
Tổng cộng:					70,124,846	59,593,224	10,532,646	52,682,870							

....., ngày ... tháng ... năm
XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN (nếu có)
 (Ký, họ tên và đóng dấu)

....., ngày tháng năm
Thủ trưởng đơn vị
 (Ký, họ tên và đóng dấu)



☒ kê khai lần đầu:
☐ kê khai bổ sung:

GIÁM ĐỐC
Đỗ Việt Long

Công khai về nhà																					Ghi chú
Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sản sử dụng (m2))																					
Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Tổng diện tích sản sử dụng (m2)	Năm sử dụng	Trụ sở làm việc	Hoạt động sử nghiệp				Sử dụng khác												
Nguyên giá	Giá trị còn lại				Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết		Sử dụng hỗn hợp											
Công khai về đất																					
Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)																					
Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Diện tích (m2)	Trụ sở làm việc	Hoạt động sử nghiệp				Sử dụng khác														
			Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết															
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
1 cầu nối xung quanh viện tại 120 Khu 1 Sơn, Thị trấn Chúc Mỹ, Hà									2012	575.0	2,500,000	1,900,000		575.0							
1 Đại Thê tại 120 1 Hòa Sơn, Thị trấn 1 Sơn, Chương Mỹ, Hà									1994	36.0	37,628			36.0							
1 khoa dinh dưỡng tại Khu Hòa Sơn, Thị trấn Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà									2012	638.0	4,500,000	3,420,000		638.0							
1 khoa kiểm soát lâm khuân tại 120 1 Hòa Sơn, Thị trấn 1 Sơn, Chương Mỹ, Hà									2012	298.0	2,500,000	1,900,000		298.0							
1 khoa truyền nhiễm 120 Khu Hòa Sơn, trấn Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà									2012	516.0	5,500,000	4,180,000		516.0							
1 kỹ thuật 2 tầng - 1a khám bệnh khu B 120 Khu Hòa Sơn, trấn Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà									2000	700.0	2,119,478	1,737,918		700.0							
1 kỹ thuật cao 5 tầng 120 Khu Hòa Sơn, trấn Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà									2012	4,405.0	25,000,000	19,000,000		4,405.0							

Địa chỉ: Thành phố Hà Nội
Đơn vị quản lý cấp trên: Sở Y tế Hà Nội
Đơn vị n, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Bệnh viện đa khoa Huyện Chương Mỹ
Số tài khoản: 1094702
Đơn vị: Khóis sự nghiệp

Mẫu số 09a-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2024

Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	khoản hoa hồng, chiết khấu, chiết mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, chiết mãi (nếu có)			Ghi chú
										Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)		
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
ầu tư xây dựng, mua sắm						13,607,017							
ài sản cố định khác						13,607,017							
ổn nhiệt	Cái	1	Memmert	Đức	2023	24,500	Mua sắm trực tiếp	Công ty TNHH đầu tư phát triển thương mại An Hòa					
bàn ghế salon tiếp khách		1				10,000							
lưu điện Santak - mã hàng SK-LCD		1	Santak	Ca-na-đa	2023	39,500	Mua sắm trực tiếp	Công ty TNHH dịch vụ và thương mại công nghệ Hiện Phát					
máy vi tính Xigmatek	Bộ	1	Xigmatek	Việt Nam	2024	15,297	Mua sắm trực tiếp	Hộ kinh doanh Hoàng Văn Sỹ					
máy vi tính để bàn (Huntkey)	Bộ	1	Huntkey	Việt Nam	2023	14,894	Mua sắm trực tiếp	Hộ kinh doanh Hoàng Văn Sỹ					
máy vi tính để bàn (Huntkey)	bộ	1	Huntkey	Việt Nam	2023	14,894	Mua sắm trực tiếp	Hộ kinh doanh Hoàng Văn Sỹ					
máy vi tính để bàn (Huntkey)	Bộ	1	Huntkey	Việt Nam	2023	14,894	Mua sắm trực tiếp	Hộ kinh doanh Hoàng Văn Sỹ					
máy vi tính để bàn (Huntkey)	Bộ	1	Huntkey	Việt Nam	2023	14,894	Mua sắm trực tiếp	Hộ kinh doanh Hoàng Văn Sỹ					
máy vi tính để bàn (Huntkey)	Bộ	1	Huntkey	Việt Nam	2023	14,894	Mua sắm trực tiếp	Hộ kinh doanh Hoàng Văn Sỹ					
máy vi tính để bàn (Huntkey)	Bộ	1	Huntkey	Việt Nam	2023	14,894	Mua sắm trực tiếp	Hộ kinh doanh Hoàng Văn Sỹ					
máy vi tính để bàn (Huntkey)	Bộ	1	Xigmatek	Việt Nam	2024	15,297	Mua sắm trực tiếp	Hộ kinh doanh Hoàng Văn Sỹ					
máy vi tính để bàn (Huntkey)	Bộ	1	Xigmatek	Việt Nam	2024	15,297	Mua sắm trực tiếp	Hộ kinh doanh Hoàng Văn Sỹ					
máy vi tính để bàn (Huntkey)	Bộ	1	Xigmatek	Việt Nam	2024	15,297	Mua sắm trực tiếp	Hộ kinh doanh Hoàng Văn Sỹ					

Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	khoản hoa hồng, chiết khấu, chiết mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, (nếu có)			Ghi chú
										Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)		
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
máy vi tính Xigmatek	Bộ	1	Xigmatek	Việt Nam	2024	15,297	Mua sắm trực tiếp	Hộ kinh doanh Hoàng Văn Sỹ					
máy vi tính Xigmatek	Bộ	1	Xigmatek	Việt Nam	2024	15,297	Mua sắm trực tiếp	Hộ kinh doanh Hoàng Văn Sỹ					
máy vi tính Xigmatek Z	Chiếc	1		Việt Nam	2024	23,240	Mua sắm trực tiếp	Hộ kinh doanh Hoàng Văn Sỹ					
Salong ghế Salong gỗ	Bộ	1		Việt Nam	2024	13,500	Mua sắm trực tiếp	Công ty cổ phần thiết kế thi công nội thất Pam Design					
ng dầy bệnh nhân	Cái	1	Red Leaf	Trung Quốc	2023	19,740	Mua sắm trực tiếp	Công ty cổ phần chuyển giao công nghệ Medda					
ng dầy inox có bánh xe KT 50 x 600x 480 - 830mm	Cái	1		Việt Nam	2024	18,375	Mua sắm trực tiếp	Xí nghiệp cơ khí Hải Hà					
ng dầy inox có bánh xe KT 50 x 600x 480 - 830mm	Cái	1		Việt Nam	2024	18,375	Mua sắm trực tiếp	Xí nghiệp cơ khí Hải Hà					
ều hòa Funiki 18000BTU	Bộ	1	Funiki	Việt Nam	2023	13,824	Mua sắm trực tiếp	Công ty cổ phần xây dựng thiết kế kiến trúc 4.0					
ều hòa Funiki 18000BTU	Bộ	1	Funiki	Việt Nam	2023	12,640	Mua sắm trực tiếp	Công ty cổ phần xây dựng thiết kế kiến trúc 4.0					
ều hòa Funiki 18000BTU	Cái	1	Funiki	Việt Nam	2023	12,800	Mua sắm trực tiếp	Công ty cổ phần xây dựng thiết kế kiến trúc 4.0					
ều hòa Panasonic 18000BTU 1	Cái	1			2024	19,908	Mua sắm trực tiếp	Trung tâm thương mại Bá Vượng					
ể massage toàn thân	Chiếc	1				18,795							
ể và máy rang kèm máy nén	Chiếc	1	Yoshida	Nhật Bản		310,000							
á inox để tải liệu	Chiếc	1				10,425		Tổ cơ khí Trịnh Hữu Đoàn					
ệ thống nội soi tai mũi họng	Máy	1	Jiangsu Ouman Electronic	Trung Quốc		165,000	Đấu thầu	Công ty TNHH đầu tư phát triển trang thiết bị y tế					
ệ thống nội soi tiêu hóa (dạ y: đại tràng)	Hệ thống	1	Olympus	Nhật Bản	2023	2,195,000	Đấu thầu	Công ty Cổ phần Liên hiệp Đầu tư xây dựng Nông thôn Việt Nam					
ân hình hiển thị Syscall SR - 330 + thiết bị kích sóng Syscall XT-8200	Chiếc	1		Hàn Quốc		13,530	Mua sắm trực tiếp	Công ty TNHH Eysymed					
áy bơm nước hòa tiền 2,5kw entax)	Chiếc	1				13,500	Mua sắm trực tiếp	Hộ kinh doanh Đoàn Mạnh Châu					

Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	khoản hoa hồng, chiết khấu, chiết mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, chiết mãi (nếu có)			Ghi chú
										Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)		
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
y chụp huỳnh quang đáy mắt	Máy	1	Center Vue S.p.A	Italia		1,900,000	Đấu thầu	Công ty TNHH đầu tư phát triển trang thiết bị y tế					
y giặt công nghiệp Flying h 50kg	Cái	1	Shanghai Flying Fish Machinery Manufacturing CO., Ltd	Trung Quốc	2023	338,800	Đấu thầu	Công ty cổ phần tập đoàn Minh Dũng					
y nội soi dạ dày Pentax	Chiếc	1	Pentax	Nhật Bản		404,775							
y phân tích huyết học tự động =29 thông số)	Máy	1	Shenzhen Dymind Biotechnology Co., Ltd	Trung Quốc		500,000	Đấu thầu	Công ty TNHH đầu tư phát triển trang thiết bị y tế					
y sấy công nghiệp FlyingFish kg	Cái	1	Shanghai Flying Fish Machinery Manufacturing CO., Ltd	Trung Quốc	2023	173,800	Đấu thầu	Công ty cổ phần tập đoàn Minh Dũng					
y siêu âm tổng quát (4D, 3 u dò)	Cái	1	Fujimi Healthcare Corporation	Nhật Bản	2023	1,370,000	Đấu thầu	Công ty Cổ phần Liên hiệp Đầu tư xây dựng Nông thôn Việt Nam					
y sinh hóa nước tiểu	Chiếc	1	Siemens	Anh		25,356							
y tạo Oxy di động	Cái	1				24,000							
y tính bảng Samsung SM - J75 (S7Fe)	Cái	1				12,990	Mua sắm trực tiếp	Công ty cổ phần tập đoàn đại đoàn gia					
y tính bảng Samsung SM - J75 (S7Fe)	Cái	1				12,990	Mua sắm trực tiếp	Công ty cổ phần tập đoàn đại đoàn gia					
y tính bảng Samsung SM - J75 (S7Fe)	Cái	1				12,990	Mua sắm trực tiếp	Công ty cổ phần tập đoàn đại đoàn gia					
y vi tính xách tay Dell	Chiếc	1	Dell Latitude	Trung Quốc		14,286	Đấu thầu	Công ty cổ phần đầu tư thương mại và dịch vụ Nhật Nam					

Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuế (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)			Ghi chú
										Nộp NSNN (Nghìn đồng)		Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
Ấy vi tính xách tay Dell	Chiếc	1	Dell Latitude	Trung Quốc		14,286	Đấu thầu	Công ty cổ phần đầu tư thương mại và dịch vụ Nhật Nam					
Ấy X Quang kỹ thuật số chụp ng quát (2 tâm cam biến)	Hệ thống	1	Shimadzu Corporation	Nhật Bản	2023	3,000,000	Đấu thầu	Công ty Cổ phần Liên hiệp Đầu tư xây dựng Nông thôn Việt Nam					
onitor theo dõi bệnh nhân (>= thông số)	Chiếc	1	Huntleigh Healthcare Ltd	Anh		143,125	Đấu thầu	Công ty TNHH đầu tư phát triển trang thiết bị y tế					
onitor theo dõi bệnh nhân (>= thông số)	Chiếc	1	Huntleigh Healthcare Ltd	Anh		143,125	Đấu thầu	Công ty TNHH đầu tư phát triển trang thiết bị y tế					
onitor theo dõi bệnh nhân (>= thông số)	Chiếc	1	Huntleigh Healthcare Ltd	Anh		143,125	Đấu thầu	Công ty TNHH đầu tư phát triển trang thiết bị y tế					
onitor theo dõi bệnh nhân (>= thông số)	Chiếc	1	Huntleigh Healthcare Ltd	Anh		143,125	Đấu thầu	Công ty TNHH đầu tư phát triển trang thiết bị y tế					
onitor theo dõi bệnh nhân (>= thông số)	Chiếc	1	Huntleigh Healthcare Ltd	Anh		143,125	Đấu thầu	Công ty TNHH đầu tư phát triển trang thiết bị y tế					
onitor theo dõi bệnh nhân (>= thông số)	Chiếc	1	Huntleigh Healthcare Ltd	Anh		143,125	Đấu thầu	Công ty TNHH đầu tư phát triển trang thiết bị y tế					
onitor theo dõi bệnh nhân (>= thông số)	Chiếc	1	Huntleigh Healthcare Ltd	Anh		143,125	Đấu thầu	Công ty TNHH đầu tư phát triển trang thiết bị y tế					
onitor theo dõi bệnh nhân (>= thông số)	Chiếc	1	Huntleigh Healthcare Ltd	Anh		143,125	Đấu thầu	Công ty TNHH đầu tư phát triển trang thiết bị y tế					
onitor theo dõi bệnh nhân (>= thông số)	Chiếc	1	Huntleigh Healthcare Ltd	Anh		143,125	Đấu thầu	Công ty TNHH đầu tư phát triển trang thiết bị y tế					
onitor theo dõi bệnh nhân (>= thông số)	Chiếc	1	Huntleigh Healthcare Ltd	Anh		143,125	Đấu thầu	Công ty TNHH đầu tư phát triển trang thiết bị y tế					
onitor theo dõi bệnh nhân (>= thông số)	Chiếc	1	Huntleigh Healthcare Ltd	Anh		143,125	Đấu thầu	Công ty TNHH đầu tư phát triển trang thiết bị y tế					
onitor theo dõi bệnh nhân (>= thông số)	Chiếc	1	Huntleigh Healthcare Ltd	Anh		143,125	Đấu thầu	Công ty TNHH đầu tư phát triển trang thiết bị y tế					
onitor theo dõi bệnh nhân (>= thông số)	Chiếc	1	Huntleigh Healthcare Ltd	Anh		143,125	Đấu thầu	Công ty TNHH đầu tư phát triển trang thiết bị y tế					
onitor theo dõi bệnh nhân (>= thông số)	Chiếc	1	Huntleigh Healthcare Ltd	Anh		143,125	Đấu thầu	Công ty TNHH đầu tư phát triển trang thiết bị y tế					
onitor theo dõi bệnh nhân (>= thông số)	Chiếc	1	Huntleigh Healthcare Ltd	Anh		143,125	Đấu thầu	Công ty TNHH đầu tư phát triển trang thiết bị y tế					
onitor theo dõi bệnh nhân (>= thông số)	Chiếc	1	Huntleigh Healthcare Ltd	Anh		143,125	Đấu thầu	Công ty TNHH đầu tư phát triển trang thiết bị y tế					
onitor theo dõi bệnh nhân (>= thông số)	Chiếc	1	Huntleigh Healthcare Ltd	Anh		143,125	Đấu thầu	Công ty TNHH đầu tư phát triển trang thiết bị y tế					
onitor theo dõi bệnh nhân (>= thông số)	Chiếc	1	Huntleigh Healthcare Ltd	Anh		143,125	Đấu thầu	Công ty TNHH đầu tư phát triển trang thiết bị y tế					

Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	khoản hoa hồng, chiết khấu, chiết khấu khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, chuyển mãi (nếu có)			Ghi chú
										Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)		
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
onitor theo dõi bệnh nhân (>= hồng số)	Chiếc	1	Huntleigh Healthcare Ltd	Anh		143,125	Đấu thầu	Công ty TNHH đầu tư phát triển trang thiết bị y tế					
onitor theo dõi bệnh nhân (>= hồng số)	Chiếc	1	Huntleigh Healthcare Ltd	Anh		143,125	Đấu thầu	Công ty TNHH đầu tư phát triển trang thiết bị y tế					
onitor theo dõi bệnh nhân (>= hồng số)	Chiếc	1	Huntleigh Healthcare Ltd	Anh		143,125	Đấu thầu	Công ty TNHH đầu tư phát triển trang thiết bị y tế					
onitor theo dõi bệnh nhân (>= hồng số)	Chiếc	1	Huntleigh Healthcare Ltd	Anh		143,125	Đấu thầu	Công ty TNHH đầu tư phát triển trang thiết bị y tế					
h hiển vi phẫu thuật mắt		1	Takagi Selki Co., Ltd	Nhật Bản		300,000	Đấu thầu	Công ty TNHH đầu tư phát triển trang thiết bị y tế					
host vô trùng	Chiếc	1				10,500							
làm mát 2 cánh Sanaky	Cái	1	Sanaky VH-6009HP		2024	22,444	Mua sắm trực tiếp	Công ty cổ phần V2K Group					
: inox chờ đồ vải	Chiếc	1		Việt Nam	2024	11,000	Mua sắm trực tiếp	Công ty TNHH thương mại và đầu tư kỹ thuật xây dựng Đại Thành					
: inox chờ đồ vải	Chiếc	1		Việt Nam	2024	11,000	Mua sắm trực tiếp	Công ty TNHH thương mại và đầu tư kỹ thuật xây dựng Đại Thành					
: inox chờ đồ vải có nắp	Cái	1		Việt Nam	2024	12,000	Mua sắm trực tiếp						
: inox chờ đồ vải có nắp	Cái	1		Việt Nam	2024	12,000	Mua sắm trực tiếp	Công ty TNHH thương mại và đầu tư kỹ thuật xây dựng Đại Thành					
ai sản giao mới						875,568							
ai sản cố định khác						875,568							
ệ thông khí y tế		1				858,869							
ủ lạnh HBC-80	Chiếc	1	Haler Biomedical	Trung Quốc		16,699							
ai sản cố phương thức nh thành khác						4,689,930							
ai sản cố định khác						4,689,930							

Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	khoản hoa hồng, chiết khấu, chuyển mại khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, chuyển mại (nếu có)			Ghi chú
										Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)		
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13		14
dụng cụ phẫu thuật sản	Cái	1	Medicon&Bob	Đức		199,000							
dụng cụ phẫu thuật sản	Cái	1	Medicon&Bob	Đức		199,000							
dụng cụ phẫu thuật sản	Cái	1	Medicon&Bob	Đức		199,000							
n chiếu vàng da sơ sinh	Cái	1	Biston	Hàn Quốc		59,300							
n chiếu vàng da sơ sinh	Cái	1	Biston	Hàn Quốc		59,300							
n mô di động	Cái	1				64,000							
ường Cấp Cứu	Cái	1	Paramout Bed Co.,Ltd	Nhật Bản		165,700							
nh hiển vi 2 thị kính	Chiếc	1				12,000							
nh hiển vi nền đen	Chiếc	1				25,000							
áy điện tim 3 kênh	Chiếc	1				25,800							
áy đo độ bão hòa Oxy	Cái	1				648,000							
áy hút dịch Thomas 1632 l	Cái	1		Mỹ		16,000							
áy hút dịch Thomas 1632 l	Cái	1		Mỹ		16,000							
áy hút dịch Thomas 1632 l	Cái	1		Mỹ		16,000							
áy hút dịch Thomas 1632 l	Cái	1		Mỹ		16,000							
áy ly tâm	Chiếc	1				48,000							
áy phân tích huyết học 18 ống số	Cái	1				218,000							
áy rửa phim tự động ≥90 tim/giờ	Chiếc	1	AFP Imaging -Mỹ	Mỹ		144,700							
áy sắc thuốc đông y	Cái	1				24,000							
áy sắc thuốc đông y	Cái	1				24,000							
áy siêu âm đen trắng 2 đầu dò	Cái	1				349,000							
áy siêu âm sách tay 2 đầu dò		1				238,000							
áy sinh hóa tự động Julior	Cái	1	Vital Scientific	Hà Lan	2007	476,000							
áy tạo Oxy di động	Cái	1				24,000							

Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	khoản hoa hồng, chiết khấu, chiết mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, chiết mãi (nếu có)			Ghi chú
										Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)		
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
y tạo Oxy di động	Cái	1				24,000							
y thờ dành cho người lớn và em	Cái	1	Viasys Healthcare	Mỹ		391,500							
y thờ dành cho người lớn và em	Cái	1	Viasys Healthcare	Mỹ		391,500							
ty truyền dịch	Chiếc	1	Terumo	Nhật Bản		38,700							
ty X-quang cố định	Cái	1				260,000							
onitor theo dõi bệnh nhân 3	Chiếc	1				44,100							
ng số	Chiếc	1				92,730							
onitor theo dõi bệnh nhân 5	Chiếc	1				20,000							
ng số	Chiếc	1				20,000							
sấy	Chiếc	1		Bỉ		20,000							
sấy	Chiếc	1		Bỉ		20,000							
sấy	Chiếc	1		Bỉ		20,000							
sấy	Chiếc	1		Việt Nam		20,200							
sấy	Chiếc	1		Việt Nam		20,200							
sấy	Chiếc	1		Việt Nam		20,200							
sấy	Chiếc	1		Bỉ		20,000							
sấy	Chiếc	1		Trung Quốc		21,000							
sấy	Chiếc	1		Bỉ		20,000							
Tổng cộng						19,172,515							

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

[Signature]
Đỗ Việt Xuyên

Ngày tháng 02 năm 2025.
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên và đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Đỗ Việt Xuyên

th: Thành phố Hà Nội

an quản lý cấp trên: Sở Y tế Hà Nội

an, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Bệnh viện đa khoa Huyện Chương Mỹ

m vi: 1094702

ình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP

Năm 2024

Công khai về nhà																				
Công khai về đất											Công khai về nhà									
Mục đích sử dụng, số hoạt động sự nghiệp	Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)							Năm sử dụng	Tổng diện tích sản sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sản sử dụng (m2))					Ghi chú	
			Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác	Nguyên giá			Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác		
				Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết			Sử dụng hỗn hợp
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
Cơ quan tại 120 Khu a Sơn, Thị trấn Chúc 1, Chương Mỹ, Hà	13,855.5	46,424,238		13,855.5																
à 2 tầng khoa khám h khu A tại 120 Khu a Sơn, Thị trấn Chúc 1, Chương Mỹ, Hà									2004	932.0	3,274,055	2,715,131		932.0						
à 2 tầng khoa Y học quyền tại 120 Khu a Sơn, Thị trấn Chúc 1, Chương Mỹ, Hà									2006	970.0	4,026,025	3,043,865		970.0						
à 3 tầng Hành chính 120 Khu Hòa Sơn, trấn Chúc Sơn, rong Mỹ, Hà Nội									1983	420.0	1,827,621	1,044,211		420.0						
à 3 tầng khoa Nhi - Sức Cấp Cứu tại Khu Hòa Sơn, Thị Chúc Sơn, Chương , Hà Nội									2011	1,176.0	6,101,191	4,636,905		1,176.0						
à 3 tầng khoa Nội tại Khu Hòa Sơn, Thị Chúc Sơn, Chương Hà Nội									2011	1,200.0	7,543,611	6,103,151		1,200.0						

Địa chỉ: Thành phố Hà Nội
Mã quản lý cấp trên: Sở Y tế Hà Nội
Đơn vị, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Bệnh viện đa khoa Huyện Chương Mỹ
Mã tài sản: 1094702
Đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09c-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH KHÁC

Năm 2024

Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)					Mục đích sử dụng					
			Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức năng có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Nguyên sách	Nguyên khác								
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
ô tô		2	1,113,697	1,113,697		115,072							
YOTA - BKS 29A - 000.84	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	1	355,947	355,947				x					
YOTA - BKS 30Z - 3186	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	1	757,750	757,750		115,072			x				
tài sản cố định khác		411	71,599,009	61,067,387	10,532,646	24,866,487							
xe máy tay lái 24 ống	Khoa Xét nghiệm	1	58,690	58,690					x				
xe máy tay lái 16 ống	Khoa Xét nghiệm	1	88,876	88,876					x				
xe máy lắc máu	Khoa Xét nghiệm	1	15,000		15,000	4,500			x				
xe máy hút liên tục áp lực thấp	Khoa Hồi Sức Cấp Cứu	1	16,500	16,500					x				
xe máy hút dịch Thomas 1632 1 bình	Khoa Truyền Nhiễm (chuẩn)	1	16,000	16,000					x				
xe máy hút dịch Thomas 1632 1 bình	Khoa Nội	1	16,000	16,000					x				
xe máy hút dịch Thomas 1632 1 bình	Khoa Hồi Sức Cấp Cứu	1	16,000	16,000					x				
xe máy hút dịch Thomas 1632 1 bình	Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức	1	16,000	16,000					x				
xe máy giặt vắt công nghiệp	Khoa Kiểm Soát Nhiễm Khuẩn	1	795,821	795,821					x				
xe máy giặt LG 16kg	Khoa Kiểm Soát Nhiễm Khuẩn	1	19,800		19,800			x					
xe máy giặt cửa đứng Samsung Inverter 16kg A16R6380BVS	Khoa Kiểm Soát Nhiễm Khuẩn	1	12,397		12,397	7,438		x					
xe máy giặt công nghiệp Flying Fish 50kg	Khoa Kiểm Soát Nhiễm Khuẩn	1	338,800	338,800		271,040			x				
xe máy gây mê kèm thở có theo dõi khí mê	Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức	1	1,100,000	1,100,000		183,333			x				
xe máy gây mê kèm thở	Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức	1	559,796	559,796					x				
xe máy đốt có tự cung cao tần	Khoa Sản	1	275,600	275,600					x				
xe máy do tạt khúc xạ	Khoa Chuyên Khoa	1	198,600	198,600					x				

Đanh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)					Mục đích sử dụng					
			Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức năng có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Y đo nồng độ cồn trong máu	Khoa Xét nghiệm	1	16,500	16,500					X				
Y đo độ bão hòa Oxy trong máu P10	Khoa Sản	1	18,800	18,800					X				
Y đo độ bão hòa oxy qua da	Khoa Sản	1	70,000		70,000	29,400			X				
Y Monitor sản khoa 2 chức năng	Khoa Sản	1	188,900	188,900					X				
Y Monitor theo dõi BN 5TS	Khoa Nội	1	171,300	171,300					X				
Y Monitor theo dõi BN 6TS	Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức	1	295,700	295,700					X				
Y Monitor theo dõi BN 7TS	Khoa Nhi	1	260,000	260,000					X				
Y siêu âm tổng quát (4D, 3 đầu dò)	Khoa chẩn đoán hình ảnh	1	1,496,250	1,496,250		798,000			X				
Y siêu âm tổng quát (4D, 3 đầu dò)	Khoa chẩn đoán hình ảnh	1	1,370,000	1,370,000		1,198,750			X				
Y siêu âm màu 4D	Khoa chẩn đoán hình ảnh	1	1,850,000		1,850,000	555,000			X				
Y siêu âm mắt	Khoa Chuyên Khoa	1	660,000	660,000					X				
Y siêu âm điều trị	Khoa Y học cổ truyền	1	44,000		44,000	7,333			X				
Y sẩy khó đẻ vôi	Khoa Kiểm Soát Nhiễm Khuẩn	1	661,822	661,822					X				
Y sẩy công nghiệp FlyingFish 70kg	Khoa Kiểm Soát Nhiễm Khuẩn	1	173,800	173,800		152,075			X				
Y sắc thuốc đông y	Khoa Y học cổ truyền	1	24,000	24,000					X				
Y sắc thuốc đông y	Khoa Y học cổ truyền	1	42,000	42,000					X				
Y Photocopy kỹ thuật số DC V 3065 CPS	Phòng kế hoạch tổng hợp (chuẩn)	1	83,325		83,325			X					
Y photocopy	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	1	73,000	73,000				X					
Y phát điện dự phòng 50-200KVA	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	1	479,800	479,800				X					
Y phân tích sinh hóa tự động 400 test/giờ	Khoa Xét nghiệm	1	2,190,250	2,190,250					X				
Y phân tích huyết học tự động (>=29 mg số)	Khoa Xét nghiệm	1	500,000	500,000		437,500			X				
Y phân tích đông máu tự động 30test/giờ (serial H08900476)	Khoa Xét nghiệm	1	700,000	700,000		210,000			X				
Y phá rung tim	Khoa Hồi Sức Cấp Cứu	1	165,500	165,500					X				
Y nội soi tai mũi họng	Khoa Chuyên Khoa	1	335,000	335,000					X				
Y nội soi tai mũi họng	Khoa Chuyên Khoa	1	250,000	250,000					X				

Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)					Mục đích sử dụng					
			Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức năng có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Nguyên sách	Nguồn khác								
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
ý nội soi dạ dày	Khoa chẩn đoán hình ảnh	1	1,756,000		1,756,000	1,317,000			x				
ý đo độ bão hòa Oxy	Khoa Truyền Nhiễm (chuẩn)	1	64,800	64,800					x				
ý đo độ bão hòa Oxy	Khoa Nhi	1	64,800	64,800					x				
ý điều hòa Panasonic 18000BTU 2 chiều	Khoa Hồi Sức Cấp Cứu	1	26,000		26,000	6,500		x					
ý điều hòa Panasonic 18000BTU 2 chiều	Khoa Hồi Sức Cấp Cứu	1	26,000		26,000	6,500		x					
ý điều hòa Daikin 12.000PTU 1 chiều	Khoa Kiểm Soát Nhiễm Khuẩn	1	14,900		14,900	1,863		x					
ý điều hòa Dai kin 18000BTU 1 chiều	Khoa Sản	1	25,280		25,280	6,320		x					
ý điện tim 6 kênh	Khoa Hồi Sức Cấp Cứu	1	70,000	70,000					x				
ý điện tim 6 cần	Khoa Hồi Sức Cấp Cứu	1	80,000		80,000	24,000			x				
ý điện tim 3 kênh	Khoa Sản	1	39,900	39,900					x				
ý điện tim 3 kênh	Khoa Nội	1	39,900	39,900					x				
ý điện tim 3 kênh	Khoa chẩn đoán hình ảnh	1	34,286	34,286					x				
ý chụp huỳnh quang đáy mắt	Khoa Chuyên Khoa	1	1,900,000	1,900,000		1,662,500			x				
ý chiếu Maxcell Hitachi E303	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	1	19,550		19,550	11,730		x					
ý chiếu Casio + Font	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	1	30,947		30,947			x					
ý bơm truyền dịch (serial 1810010186)	Khoa Hồi Sức Cấp Cứu	1	35,000		35,000	10,500			x				
ý bơm truyền dịch (serial 1810010021)	Khoa Nhi	1	35,000		35,000	10,500			x				
ý bơm truyền dịch (serial 1810010020)	Khoa Sản	1	35,000		35,000	10,500			x				
ý bơm nước hòa tiền 2.5kw (pentax)	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	1	13,500		13,500	11,813		x					
ý bơm nước	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	2	72,000	72,000				x					
án hình hiển thị Syscall SR - A330 + thiết kích sóng Syscall SRT-8200	Khoa Hồi Sức Cấp Cứu	1	13,530		13,530	11,839		x					
ái xếp di động phục vụ trông giữ xe cho nhân	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	1	90,640		90,640	67,980		x					
ái hiện di động phục vụ trông giữ xe bệnh án	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	1	159,500		159,500	119,625		x					

Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)					Mục đích sử dụng					
			Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức năng có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Nguyên sách	Ngũyên giá khác								
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
ng áp trẻ sơ sinh	Khoa Nhi	2	597,800	597,800					x				
ỳ điều hòa Daikin 12.000PTU 1 chiều	Khoa Dinh Dưỡng	1	14,900		14,900	1,863		x					
ỳ điều hòa Daikin 12.000PTU 2 chiều	Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức	3	51,000		51,000	6,375		x					
ỳ điều hòa Daikin 12.000PTU 2 chiều	Khoa Truyền Nhiễm (chuẩn)	1	17,000		17,000	2,125		x					
ỳ điều hòa Daikin 12.000PTU 2 chiều	Khoa chẩn đoán hình ảnh	1	17,000		17,000	2,125		x					
ỳ điều hòa Panasonic 18000BTU 2 chiều	Khoa Hồi Sức Cấp Cứu	1	26,000		26,000	6,500		x					
ỳ điều hòa Panasonic 18000BTU 2 chiều	Khoa Dược	1	26,000		26,000	6,500		x					
ỳ điều hòa Mitsubishi 18.000BTU 2 chiều	Khoa Hồi Sức Cấp Cứu	2	54,100		54,100	6,763		x					
ỳ điều hòa Mitsubishi 18.000BTU 2 chiều	Khoa Xét nghiệm	1	27,050		27,050	3,381		x					
ỳ điều hòa Daikin 18000BTU 1 chiều	Khoa Dược	1	25,280		25,280	6,320		x					
ỳ điều hòa Daikin 18000BTU 1 chiều	Khoa Ngoại	1	25,280		25,280	6,320		x					
ỳ điều hòa Daikin 12000BTU 2 chiều	Phòng Tài Chính Kế toán (chuẩn)	1	18,170		18,170	4,543		x					
ỳ điều hòa Daikin 12000BTU 2 chiều	Khoa chẩn đoán hình ảnh	1	18,170		18,170	4,543		x					
ỳ điều hòa Daikin 12000BTU 2 chiều	Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức	1	18,170		18,170	4,543			x				
ỳ sinh hóa nước tiểu	Khoa Xét nghiệm	1	25,356		25,356			x					
ỳ điều hòa Daikin 12000BTU 1 chiều	Khoa Xét nghiệm	1	15,300		15,300	8,091		x					
ỳ điều hòa Daikin 12000BTU 1 chiều	Phòng Tài Chính Kế toán (chuẩn)	1	15,300		15,300	8,091		x					
ỳ điều hòa Daikin 12000BTU 1 chiều	Khoa Sản	1	15,300		15,300	8,091		x					
ỳ điều hòa Daikin 12000BTU 1 chiều	Khoa Khám Bệnh	1	15,300		15,300	8,091		x					
ỳ Điều hòa Daikin 12000BTU 1 chiều	Khoa Khám Bệnh	3	45,900		45,900	11,475		x					
ỳ điều hòa Daikin 12000BTU 1 chiều	Phòng Tài Chính Kế toán (chuẩn)	1	15,300		15,300	8,091		x					
ỳ điều hòa Daikin 12000BTU 1 chiều	Phòng Tài Chính Kế toán (chuẩn)	1	15,300		15,300	8,091		x					

Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)					Mục đích sử dụng						
			Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức năng có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
				Nguồn sách	Nguồn khác									
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
y điều hòa Daikin 12000BTU 1 chiều	Khoa Sản	1	15,300			15,300			x					
y điều hòa Daikin 12000BTU 1 chiều	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	1	15,300			15,300			x					
y điều hòa Daikin 12000BTU 1 chiều	Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức	1	15,300			15,300			x					
y điều hòa Daikin 12000BTU 1 chiều	Khoa chẩn đoán hình ảnh	1	15,300			15,300			x					
y theo dõi bệnh nhân (monitor)	Khoa Hồi Sức Cấp Cứu	1	19,642	19,642										
y theo dõi bệnh nhân 5 thông số	Khoa Hồi Sức Cấp Cứu	1	180,000	180,000										
y theo dõi bệnh nhân 5 thông số (serial 343)	Khoa Hồi Sức Cấp Cứu	1	180,000			180,000								
ần mềm đón tiếp khám chữa bệnh	Khoa Khám Bệnh	1	42,000	42,000										
i hấp tiết trùng 300L	Khoa Kiểm Soát Nhiễm Khuẩn	1	1,190,000	1,190,000					x					
i hấp tiết trùng 300L	Khoa Kiểm Soát Nhiễm Khuẩn	1	990,000	990,000			165,000							
i hấp tiết trùng 110 lít	Khoa Kiểm Soát Nhiễm Khuẩn	1	250,000	250,000										
onitor theo dõi bệnh nhân (>= 5 thông số)	Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức	1	143,125	143,125										
onitor theo dõi bệnh nhân (>= 5 thông số)	Khoa chẩn đoán hình ảnh	1	143,125	143,125										
onitor theo dõi bệnh nhân (>= 5 thông số)	Khoa Hồi Sức Cấp Cứu	1	143,125	143,125										
onitor theo dõi bệnh nhân (>= 5 thông số)	Khoa chẩn đoán hình ảnh	1	143,125	143,125										
onitor theo dõi bệnh nhân (>= 5 thông số)	Khoa Sản	1	143,125	143,125										
onitor theo dõi bệnh nhân (>= 5 thông số)	Khoa Chuyên Khoa	1	143,125	143,125										
onitor theo dõi bệnh nhân (>= 5 thông số)	Khoa Ngoại	1	143,125	143,125										
onitor theo dõi bệnh nhân (>= 5 thông số)	Khoa Truyền Nhiễm (chuẩn)	1	143,125	143,125										
onitor theo dõi bệnh nhân (>= 5 thông số)	Khoa Nhi	1	143,125	143,125										
onitor theo dõi bệnh nhân (>= 5 thông số)	Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức	1	143,125	143,125										
onitor theo dõi bệnh nhân (>= 5 thông số)	Khoa Ngoại	1	143,125	143,125										

Đanh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)					Mục đích sử dụng					
			Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
onitor theo dõi bệnh nhân (>= 5 thông số)	Khoa Hồi Sức Cấp Cứu	1	143,125	143,125		125,234			x				
onitor theo dõi bệnh nhân (>= 5 thông số)	Khoa Hồi Sức Cấp Cứu	1	143,125	143,125		125,234			x				
onitor theo dõi bệnh nhân (>= 5 thông số)	Khoa Sản	1	143,125	143,125		125,234			x				
onitor theo dõi bệnh nhân (>= 5 thông số)	Khoa Nội	1	143,125	143,125		125,234			x				
à lát gạch và trải asphalt	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	1	1,540,163	1,540,163		866,498		x					
nh hiện vi khám mắt	Khoa Chuyên Khoa	1	265,000	265,000					x				
nh hiện vi phẫu thuật mắt	Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức	1	300,000	300,000		262,500			x				
iết bị cân bằng tải Vigor 3900	Phòng kế hoạch tổng hợp (chuẩn)	1	25,000		25,000			x					
inox chờ đồ vải có nắp	Khoa Kiểm Soát Nhiễm Khuẩn	1	12,000		12,000	10,500		x					
inox chờ đồ vải	Khoa Kiểm Soát Nhiễm Khuẩn	1	11,000		11,000	9,625		x					
inox chờ đồ vải	Khoa Kiểm Soát Nhiễm Khuẩn	1	11,000		11,000	9,625		x					
ờng bao xây gạch	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	1	57,600	57,600				x					
trữ mẫu (serial 1002800338)	Khoa Xét nghiệm	1	94,200		94,200	28,260			x				
sấy ≥250 độ≥ 150l	Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức	1	79,000	79,000		13,167			x				
Sấy nhôm kính	Khoa Ngoại	1	210,000	210,000				x					
mát Sanaky 600 lit VH-6009HP	Khoa Dược	1	20,664		20,664	12,915		x					
onitor theo dõi bệnh nhân (>= 5 thông số)	Khoa Xét nghiệm	1	23,000		23,000	13,800		x					
lạnh Sanaky	Khoa Hồi Sức Cấp Cứu	1	143,125	143,125		125,234			x				
làm mát 2 cánh Sanaky	Khoa Kiểm Soát Nhiễm Khuẩn	1	17,500	17,500		3,500		x					
inox cánh kính để đồ khử khuẩn (2x1,2m)	Khoa Dược	1	22,444		22,444	17,955		x					
host vô trùng	Khoa chẩn đoán hình ảnh	1	23,110	23,110		3,852		x					
gỗ để thuốc đông y	Khoa Truyền Nhiễm (chuẩn)	1	10,500		10,500			x					
để bát đĩa inox 4 tầng	Khoa Dược	1	20,500		20,500			x					
	Khoa Dinh Dưỡng	1	21,570		21,570			x					

Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)					Mục đích sử dụng					
			Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Nguyên sách	Nguồn khác								
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
ăm xử lý nước thải	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	1	955,893		955,893	477,947		x					
ăm nước sạch toàn bệnh viện	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	1	2,140,322	2,140,322				x					
ăm biến thế	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	1	843,000	843,000				x					
vi LG 65 inch mã 65 UQ7550PSF	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	1	16,300		16,300	9,780		x					
ị lạnh HBC-80	Khoa Dược	1	16,699	16,699		14,612		x					
ng ấp trẻ sơ sinh	Khoa Sản	1	307,900	307,900					x				
óng công trình Trạm cấp lỏng hóa khí	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	1	77,523	77,523		46,514		x					
áy xét nghiệm miễn dịch tự động	Khoa Xét nghiệm	1	2,370,000	2,370,000		1,777,500			x				
áy vi tính để bàn Acer Veriton ES2730G	Khoa Xét nghiệm	1	14,980		14,980			x					
áy truyền dịch	Khoa Hồi Sức Cấp Cứu	1	38,700	38,700					x				
áy truyền dịch	Khoa Hồi Sức Cấp Cứu	1	38,700	38,700					x				
áy trợ thở	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	1	25,500	25,500		13,600							
áy tính bảng Samsung SM -T975 (S7Fe)	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	1	12,990		12,990	10,392		x					
áy tính bảng Samsung SM -T975 (S7Fe)	Phòng kế hoạch tổng hợp (chuẩn)	1	12,990		12,990	10,392		x					
áy tính bảng Samsung SM -T975 (S7Fe)	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	1	12,990		12,990	10,392		x					
áy thở xâm nhập và không xâm nhập	Khoa Hồi Sức Cấp Cứu	1	651,000	651,000		273,420			x				
áy thở xách tay kèm van PEEP	Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức	1	480,000	480,000		201,600			x				
áy thở Vsmart	Phòng kế hoạch tổng hợp (chuẩn)	1	26,500	26,500		14,133							
áy thở Vsmart	Khoa Hồi Sức Cấp Cứu	1	26,500	26,500		14,133							
áy thở Vsmart	Phòng kế hoạch tổng hợp (chuẩn)	1	26,500	26,500		14,133							
áy thở Vsmart	Phòng kế hoạch tổng hợp (chuẩn)	1	26,500	26,500		14,133							
áy thở dành cho trẻ em và trẻ sơ sinh	Khoa Nhi	1	597,400	597,400									
áy thở dành cho người lớn và trẻ em	Khoa Hồi Sức Cấp Cứu	1	391,500	391,500									

Đanh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)					Mục đích sử dụng					
			Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Nguyên sách	Nguồn khác								
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
lấy theo dõi sản khoa 2 chức năng	Khoa Sản	2	283,846	283,846					x				
lấy theo dõi sản khoa 2 chức năng	Khoa Sản	2	259,600	259,600		43,267			x				
lấy theo dõi bệnh nhân Monitor	Khoa Truyền Nhiễm (chuẩn)	1	19,642	19,642		12,627			x				
lấy theo dõi bệnh nhân 6 thông số	Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức	1	209,000		209,000								
lấy vì tính để bàn Acer Veriton ES2730G	Phòng kế hoạch tổng hợp (chuẩn)	1	14,980					x					
lấy vì tính để bàn Acer Veriton ES2730G	Khoa Dược	1	14,980		14,980			x					
lấy vì tính để bàn Acer Veriton ES2730G	Khoa Sản	1	14,980		14,980			x					
lấy vì tính để bàn Acer Veriton ES2730G	Khoa Nội	3	44,940		44,940			x					
lấy xét nghiệm huyết học tự động ≥ 18 thông số	Khoa Xét nghiệm	1	299,250		299,250	49,875			x				
lấy X-quang răng	Khoa chẩn đoán hình ảnh	1	125,000	125,000					x				
lấy X-quang di động	Khoa chẩn đoán hình ảnh	1	729,000	729,000					x				
lấy X-quang di động	Khoa chẩn đoán hình ảnh	1	729,000	729,000					x				
lấy X-quang kỹ thuật số chụp tổng quát (2 n cảm biến)	Khoa chẩn đoán hình ảnh	1	3,980,000	3,980,000		2,122,667							
lấy X-quang kỹ thuật số chụp tổng quát (2 n cảm biến)	Khoa chẩn đoán hình ảnh	1	3,000,000	3,000,000		2,625,000			x				
lấy vì tính xách tay Dell	Phòng kế hoạch tổng hợp (chuẩn)	1	14,286	14,286				x					
lấy vì tính xách tay Dell	Khoa Truyền Nhiễm (chuẩn)	1	14,286	14,286				x					
lấy vì tính để bàn Acer Veriton ES2730G	Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức	1	14,980		14,980			x					
lấy xét nghiệm sinh hóa tự động >600test/r (serial S1900400CS008)	Khoa Xét nghiệm	1	1,900,000	1,900,000		570,000		x					
lấy vì tính để bàn Acer Veriton ES2730G	Khoa Nhi	1	14,980		14,980			x					
lấy vì tính để bàn Acer Veriton ES2730G	Phòng kế hoạch tổng hợp (chuẩn)	2	29,960		29,960			x					
lấy vì tính để bàn Acer Veriton ES2730G	Khoa Y học cổ truyền	2	29,960		29,960			x					

Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)				Mục đích sử dụng						
			Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức năng có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Nguyên sách	Nguồn khác								
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
iy vi tính để bàn Acer Veriton ES2730G	Phòng Tài Chính Kế toán (chuẩn)	2	29,960		29,960			x					
iy vi tính để bàn Acer Veriton ES2730G	Khoa Hồi Sức Cấp Cứu	1	14,980		14,980			x					
iy vi tính để bàn Acer Veriton ES2730G	Khoa Khám Bệnh	3	44,940		44,940			x					
iy vi tính để bàn Acer Veriton ES2730G	Khoa Ngoại	1	14,980		14,980			x					
iy vi tính để bàn Acer Veriton ES2730G	Khoa Truyền Nhiễm (chuẩn)	1	14,980		14,980			x					
iy vi tính để bàn Acer Veriton ES2730G	Khoa Khám Bệnh	1	14,980		14,980			x					
iy vi tính để bàn Acer Veriton ES2730G	Khoa Truyền Nhiễm (chuẩn)	1	14,980		14,980			x					
iy vi tính để bàn Acer Veriton ES2730G	Khoa Dược	1	14,980		14,980			x					
nh soi đáy mắt	Khoa Chuyên Khoa	1	11,485		11,485	1,914			x				
nh hiển vi nền đen	Khoa Xét nghiệm	1	25,000	25,000					x				
nh hiển vi 2 thị kính	Khoa Xét nghiệm	1	12,000	12,000					x				
máy vi tính để bàn (Huntkey)	Khoa Khám Bệnh	1	14,894		14,894	11,915		x					
máy vi tính để bàn (Huntkey)	Khoa Khám Bệnh	1	14,894		14,894	11,915		x					
máy vi tính để bàn (Huntkey)	Khoa Sản	1	14,894		14,894	11,915		x					
máy vi tính để bàn	Khoa Ngoại	1	14,905		14,905	8,943		x					
máy vi tính để bàn	Khoa Chuyên Khoa	1	14,905		14,905	8,943		x					
máy vi tính để bàn	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	1	14,905		14,905	8,943		x					
máy vi tính để bàn	Phòng Tài Chính Kế toán (chuẩn)	1	14,905		14,905	8,943		x					
máy vi tính Acer Veriton ES2740G	Khoa Nội	1	14,950		14,950	2,990		x					
máy vi tính Acer Veriton ES2740G	Khoa Truyền Nhiễm (chuẩn)	1	14,950		14,950	2,990		x					
máy vi tính Acer Veriton ES2740G	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	1	14,950		14,950	2,990		x					
máy vi tính Acer Veriton ES2740G	Khoa Nhi	1	14,950		14,950	2,990		x					
máy vi tính Acer Veriton ES2740G	Phòng kế hoạch tổng hợp (chuẩn)	1	14,950		14,950	2,990		x					
máy vi tính Acer Veriton ES2740G	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	1	14,950		14,950	2,990		x					

Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
			Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Nguyên sách	Nguồn khác								
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
› máy vi tính Acer Veriton ES2740G	Phòng kế hoạch tổng hợp (chuẩn)	1	14,950		14,950	2,990		x					
› máy vi tính Acer Veriton ES2740G	Phòng Tài Chính Kế toán (chuẩn)	1	14,950		14,950	2,990		x					
› máy vi tính Acer Veriton ES2740G	Khoa Nội	1	14,950		14,950	2,990		x					
› máy vi tính Acer Veriton ES2740G	Phòng Tài Chính Kế toán (chuẩn)	1	14,950		14,950	2,990		x					
› máy vi tính Acer Veriton ES2740G	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	1	14,950		14,950	2,990		x					
› máy vi tính Acer Veriton ES2740G	Khoa Truyền Nhiễm (chuẩn)	1	14,950		14,950	2,990		x					
› máy vi tính để bàn (Huntkey)	Khoa Khám Bệnh	1	14,894		14,894	11,915		x					
› máy vi tính để bàn (Huntkey)	Khoa Khám Bệnh	1	14,894		14,894	11,915		x					
› máy vi tính để bàn (Huntkey)	Khoa Khám Bệnh	1	14,894		14,894	11,915		x					
› máy vi tính để bàn Acer Veriton ES2735G	Khoa Nhi	2	29,800		29,800			x					
› máy tiêm điện	Khoa Nhi	1	32,886	32,886					x				
› máy tiêm điện	Khoa Nhi	1	29,976	29,976					x				
› máy tiêm điện	Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức	1	29,976	29,976					x				
› Salon ghế Salon gỗ	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	1	13,500		13,500	11,813	x						
› nội soi đại tràng ống mềm video	Khoa chẩn đoán hình ảnh	1	1,350,000	1,350,000					x				
› máy vi tính Xigmatek Z	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	1	23,240		23,240	18,592		x					
› máy vi tính Xigmatek	Khoa Khám Bệnh	1	15,297		15,297	12,238		x					
› máy vi tính Xigmatek	Phòng kế hoạch tổng hợp (chuẩn)	1	15,297		15,297	12,238		x					
› máy vi tính Xigmatek	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	1	15,297		15,297	12,238		x					
› máy vi tính Acer Veriton ES2740G	Khoa Kiểm Soát Nhiễm Khuẩn	1	14,950		14,950	2,990		x					
› máy vi tính Xigmatek	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	1	15,297		15,297	12,238		x					
› máy vi tính để bàn Wiewsonic	Khoa Xét nghiệm	1	14,300		14,300	8,580		x					
› máy vi tính để bàn Acer Veriton ES2735G	Khoa Kiểm Soát Nhiễm Khuẩn	1	14,900		14,900			x					
› máy vi tính để bàn Acer Veriton ES2735G	Khoa Hồi Sức Cấp Cứu	1	14,900		14,900			x					

Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)				Mục đích sử dụng						
			Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức năng có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Nguyên sách	Nguyen khác								
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
máy vi tính để bàn Acer Veriton ES2735G	Khoa Ngoại	2	29,800		29,800			x					
máy vi tính để bàn Acer Veriton ES2735G	Khoa Xét nghiệm	2	29,800		29,800			x					
máy vi tính để bàn Acer Veriton ES2735G	Phòng Tài Chính Kế toán (chuẩn)	2	29,800		29,800			x					
máy vi tính để bàn Acer Veriton ES2735G	Khoa Sản	2	29,800		29,800			x					
máy vi tính để bàn Acer Veriton ES2735G	Khoa Chuyên Khoa	1	14,900		14,900			x					
máy vi tính để bàn Acer Veriton ES2735G	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	7	104,300		104,300			x					
máy vi tính Xigimatek m tiem dien	Khoa Chuyên Khoa	1	15,297		15,297	12,238		x					
	Khoa Nhi	1	32,886	32,886				x	x				
máy vi tính Acer Veriton ES2740G	Phòng kế hoạch tổng hợp (chuẩn)	1	14,950		14,950	2,990		x					
máy vi tính Acer M263 +Luu dien 500VA yndai	Khoa Khám Bệnh	1	14,200		14,200			x					
máy vi tính Acer M263 +Luu dien 500VA yndai	Phòng kế hoạch tổng hợp (chuẩn)	1	14,200		14,200			x					
máy vi tính Acer M263 +Luu dien 500VA yndai	Khoa Khám Bệnh	1	14,200		14,200			x					
máy vi tính Xigimatek	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	1	15,297		15,297	12,238		x					
lưu điện Santak Online C3K LCD	Khoa Xét nghiệm	1	40,000		40,000			x					
lưu điện Santak - mã hàng C6K-LCD	Khoa Xét nghiệm	1	39,500		39,500	31,600		x					
dụng cụ phẫu thuật tiêu hóa	Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức	1	338,500	338,500					x				
dụng cụ phẫu thuật tiêu hóa	Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức	1	299,500	299,500					x				
dụng cụ phẫu thuật sản phụ khoa	Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức	1	340,200	340,200					x				
dụng cụ phẫu thuật sản	Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức	1	199,000	199,000					x				
dụng cụ phẫu thuật sản	Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức	1	199,000	199,000					x				
dụng cụ phẫu thuật sản	Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức	1	199,000	199,000					x				
dụng cụ phẫu thuật sản	Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức	1	199,000	199,000					x				
dụng cụ phẫu thuật chấn thương	Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức	1	348,600	348,600					x				

Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)					Mục đích sử dụng					
			Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Nguyên sách	Nguyên khác								
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
bàn ghế salon tiếp khách	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	1	10,000		10,000	4,000	x						
bàn ghế phòng họp giao ban	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	1	35,000		35,000			x					
ôn nhiệt	Khoa Xét nghiệm	1	24,500		24,500	21,438			x				
n mô đa năng thủy lực điện	Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức	1	489,000	489,000					x				
n mô đa năng thủy lực điện	Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức	1	498,600	498,600					x				
n mô đa năng thủy lực	Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức	1	448,300	448,300					x				
n để đa năng thủy lực	Khoa Sản	1	270,000	270,000					x				
máy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA yndai	Khoa Dược	1	14,200		14,200			x					
máy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA yndai	Khoa Nhi	1	14,200		14,200			x					
máy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA yndai	Phòng Tài Chính Kế toán (chuẩn)	1	14,200		14,200			x					
máy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA yndai	Khoa Khám Bệnh	1	14,200		14,200			x					
máy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA yndai	Khoa Y học cổ truyền	1	14,200		14,200			x					
máy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA yndai	Khoa Nội	1	14,200		14,200			x					
máy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA yndai	Khoa Ngoại	1	14,200		14,200			x					
máy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA yndai	Khoa Chuyên Khoa	1	14,200		14,200			x					
máy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA yndai	Khoa chẩn đoán hình ảnh	1	14,200		14,200			x					
máy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA yndai	Khoa Dược	1	14,200		14,200			x					
máy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA yndai	Khoa Khám Bệnh	1	14,200		14,200			x					
máy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA yndai	Phòng Tài Chính Kế toán (chuẩn)	1	14,200		14,200			x					
máy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA yndai	Khoa Truyền Nhiễm (chuẩn)	1	14,200		14,200			x					
máy vi tính Acer Veriton ES2740G	Khoa Y học cổ truyền	1	14,950		14,950	2,990		x					
máy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA yndai	Khoa Hồi Sức Cấp Cứu	1	14,200		14,200			x					

Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)					Mục đích sử dụng					
			Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức năng có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Nguyên sách	Nguyen khác								
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
máy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA yndai	Khoa Khám Bệnh	1	14,200		14,200			x					
máy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA yndai	Khoa Hồi Sức Cấp Cứu	1	14,200		14,200			x					
máy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA yndai	Khoa chẩn đoán hình ảnh	1	14,200		14,200			x					
máy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA yndai	Khoa Khám Bệnh	1	14,200		14,200			x					
máy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA yndai	Khoa Xét nghiệm	1	14,200		14,200			x					
máy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA yndai	Khoa Ngoại	1	14,200		14,200			x					
máy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA yndai	Khoa Sản	1	14,200		14,200			x					
máy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA yndai	Khoa Y học cổ truyền	1	14,200		14,200			x					
máy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA yndai	Khoa Khám Bệnh	1	14,200		14,200			x					
máy vi tính Acer M263 +Lưu điện 500VA yndai	Khoa Chuyên Khoa	1	14,200		14,200			x					
inox chờ đồ vải có nắp	Khoa Kiểm Soát Nhiễm Khuẩn	1	12,000		12,000	10,500		x					
m tem điện	Khoa Nhi	1	32,886	32,886					x				
m chứa Oxy lỏng 5m3 (mã hiệu RFDL5/1.6)	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	1	704,000	704,000		375,467		x					
ều hòa treo tường Panasonic 12000BTU 2	Khoa Ngoại	1	17,500		17,500	8,750		x					
ều hòa treo tường Panasonic 12000BTU 2	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	1	17,500		17,500	8,750		x					
ều hòa treo tường Panasonic 12000BTU 2	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	1	17,500		17,500	8,750		x					
ều hòa treo tường Panasonic 12000BTU 2	Phòng kế hoạch tổng hợp (chuẩn)	1	17,500		17,500	8,750		x					
ều hòa treo tường Panasonic 12000BTU 2	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	1	17,500		17,500	8,750		x					
ều hòa treo tường Panasonic 12000BTU 2	Khoa Xét nghiệm	1	17,500		17,500	8,750		x					
ều hòa treo tường Panasonic 12000BTU 2	Khoa chẩn đoán hình ảnh	1	17,500		17,500	8,750		x					
ều hòa treo tường Panasonic 12000BTU 2	Khoa Nhi	1	17,500		17,500	8,750		x					
ều hòa treo tường Panasonic 12000BTU 2	Khoa Nhi	1	17,500		17,500	8,750		x					

Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)					Mục đích sử dụng						
			Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
				Nguyên sách	Nguồn khác									
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
Đầu hòa treo tường Panasonic 12000BTU 2 chiều	Khoa Ngoại	1	17,500		17,500	8,750		x						
Đầu hòa treo tường Panasonic 12000BTU 2 chiều	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	1	17,500		17,500	8,750		x						
Đầu hòa treo tường Daikin 9000BTU 1 chiều	Khoa Nội	1	11,500		11,500	5,750		x						
Đầu hòa treo tường Daikin 9000BTU 1 chiều	Khoa Truyền Nhiễm (chuẩn)	1	11,500		11,500	5,750		x						
Đầu hòa treo tường Daikin 9000BTU 1 chiều	Khoa Ngoại	1	11,500		11,500	5,750		x						
Đầu hòa Sumikura 12000BTU 2chiều	Khoa Dược	1	11,920	11,920				x						
Đầu hòa Sumikura 12000BTU 2chiều	Phòng Tài Chính Kế toán (chuẩn)	1	11,920	11,920				x						
Đầu hòa Sumikura 12000BTU 2chiều	Khoa Nội	1	11,920	11,920				x						
Đầu hòa Sumikura 12000BTU 2 chiều	Khoa Hồi Sức Cấp Cứu	1	14,700		14,700	1,838		x						
Đầu hòa Sumikura 12000BTU 2 chiều	Khoa Nhi	1	14,700		14,700	1,838		x						
Đầu hòa treo tường Panasonic 12000BTU 2 chiều	Khoa Dược	1	17,500		17,500	8,750		x						
Đầu hồ đo lượng nước thải	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	2	43,670	43,670		13,101		x						
Đế nha khoa+ Máy lấy cao răng	Khoa Chuyên Khoa	1	108,000		108,000	18,000			x					
Đế và máy răng kèm máy nén khí	Khoa Chuyên Khoa	1	310,000	310,000					x					
Đp ngâm dụng cụ- 27646	Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức	2	23,380		23,380	9,820		x						
Đồng xếp hàng tự động	Khoa Khám Bệnh	1	99,980		99,980			x						
Đồng thông tin quản lý xét nghiệm LIS	Khoa Xét nghiệm	1	99,900		99,900			x						
Đồng phẫu thuật nội soi (sản phụ khoa)	Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức	1	3,250,000	3,250,000		1,733,333			x					
Đồng nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Khoa chẩn đoán hình ảnh	1	2,195,000	2,195,000		1,920,625			x					
Đồng nội soi tai mũi họng	Khoa Chuyên Khoa	1	165,000	165,000		144,375			x					
Đồng mổ nội soi ổ bụng	Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức	1	2,279,970	2,279,970					x					
Đồng lấy số khám bệnh tự động (Kiosk số khám bệnh tự động +phần mềm điều khiển)	Khoa Khám Bệnh	3	199,980		199,980	104,990		x						

Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)					Mục đích sử dụng						
			Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức năng có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
				Nguyên sách	Nguyên khác									
														6
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
Hệ thống kiểm soát nhà xe thông minh (theo Quyết định số 1211/HĐMB/TTZ-BVCM/2018 ngày 11/11/2018)	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	1	93,379	93,379		16,341		x						
	Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức	1	18,625		18,625	13,969		x						
	Phòng kế hoạch tổng hợp (chuẩn)	1	858,869	858,869		515,322		x						
	Khoa Sản	1	299,500	299,500		49,917			x					
	Khoa Hồi Sức Cấp Cứu	2	46,000		46,000	13,800								
	Khoa Hồi Sức Cấp Cứu	1	49,200	49,200					x					
	Khoa Hồi Sức Cấp Cứu	1	49,200	49,200					x					
	Khoa Nhi	1	230,000	230,000					x					
	Khoa Hồi Sức Cấp Cứu	1	165,700	165,700					x					
	Khoa Hồi Sức Cấp Cứu	1	165,700	165,700					x					
	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	1	98,894	98,894					x					
	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	1	10,425		10,425				x					
	Khoa Y học cổ truyền	1	147,000		147,000	24,500				x				
	Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức	1	29,976	29,976						x				
	Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức	1	18,625		18,625	13,969			x					
Khoa Khám Bệnh	1	26,900		26,900	13,450			x						
Khoa Xét nghiệm	1	18,170		18,170	4,543			x						
n mô treo trần 2 chóa > 120.000 Lux + 120 X	Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức	1	548,900	548,900					x					
n mô treo trần 1 chóa > 120.000 Lux	Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức	1	349,300	349,300					x					
n mô đi động >60.000 Lux	Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức	1	259,200	259,200					x					
n chiếu vàng da sơ sinh	Khoa Nhi	2	67,600		67,600	20,280								
n chiếu vàng da sơ sinh	Khoa Nhi	1	59,300	59,300					x					
n chiếu vàng da sơ sinh	Khoa Nhi	1	59,300	59,300					x					
1 chiếu vàng da sơ sinh	Khoa Nhi	1	59,300	59,300					x					

Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)					Mục đích sử dụng					
			Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Nguyên sách	Nguồn khác								
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
o mỗ điện cao tần 300WHF	Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức	1	257,100	257,100					x				
n hóa hơi 300 m3/h (mã hiệu TG300/40)	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	1	60,500	60,500		32,267		x					
m điều áp khí kép	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	1	49,500	49,500		26,400		x					
y nước nóng lạnh	Khoa Khám Bệnh	1	16,900		16,900			x					
y lấy số tự động (Hỏa đơn số CU/17P 00070	Phòng Điều Dưỡng	1	55,000		55,000	9,167		x					
ng dây inox có bánh xe KT 1850 x 600x 0 - 830mm	Khoa chẩn đoán hình ảnh	1	18,375			16,078		x					
ng dây inox có bánh xe KT 1850 x 600x 0 - 830mm	Khoa Sản	1	18,375		18,375	16,078		x					
ng dây bệnh nhân	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	1	19,740		19,740	17,273			x				
n rửa tay vô trùng	Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức	1	70,000		70,000	21,000			x				
n rửa tay tự động vô trùng Composite-2 với n đun Farafin ≥ 20 lít	Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức	1	70,400		70,400				x				
ều hòa Daikin 12000BTU 2 chiều	Khoa Y học cổ truyền	1	24,000		24,000	4,000			x				
ều hòa Daikin 18000BTU 1 chiều	Khoa Hồi Sức Cấp Cứu	1	18,170		18,170	4,543		x					
ều hòa Daikin treo tường 18000BTU 1 chiều	Khoa Hồi Sức Cấp Cứu	1	19,800		19,800	2,475		x					
ều hòa Daikin treo tường 18000BTU 1 chiều	Phòng Điều Dưỡng	1	25,300		25,300	12,650		x					
ều hòa Panasonic treo tường 18000BTU 2 chiều	Khoa Dược	1	25,300		25,300	12,650		x					
iều hòa Panasonic treo tường 18000BTU 2 chiều	Khoa Ngoại	1	26,900		26,900	13,450		x					
ều hòa Panasonic treo tường 18000BTU 2 chiều	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	1	26,900		26,900	13,450							
ều hòa Panasonic 18000BTU 1 chiều	Khoa Dược	1	15,292		15,292			x					
ều hòa Panasonic 18000BTU 1 chiều	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	1	19,908		19,908	17,420		x					
ều hòa nhiệt độ	Khoa chẩn đoán hình ảnh	3	44,897		44,897								
ều hòa nhiệt độ	Phòng Tổ Chức Hành chính 2 (chuẩn)	4	59,863		59,863			x					
ều hòa LG 12000BTU 2 chiều	Khoa Sản	1	10,650		10,650			x					
ều hòa LG 12000BTU 2 chiều	Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức	1	10,650		10,650			x					

Đanh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)					Mục đích sử dụng						
			Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
				Nguyên sách	Nguồn khác									
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
Đầu hòa LG 12000BTU 2 chiều	Khoa Ngoại	1	10,641			10,641		x						
Đầu hòa Panasonic treo tường 18000BTU 2 chiều inverter	Khoa Nội	1	26,900			26,900	13,450	x						
Đầu hòa LG 12000BTU 2 chiều	Khoa chẩn đoán hình ảnh	1	10,641			10,641								
Đầu hòa LG 12000BTU 2 chiều	Khoa Sản	1	10,641			10,641								
Đầu hòa LG 12000BTU 2 chiều	Khoa Sản	1	10,650			10,650		x						
Đầu hòa LG 12000BTU	Khoa Chuyên Khoa	1	10,710			10,710								
Đầu hòa LG 12000BTU	Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức	1	11,078			11,078								
Đầu hòa LG 12000BTU	Khoa Chuyên Khoa	1	10,710			10,710								
Đầu hòa LG 12000BTU	Khoa Ngoại	1	11,078			11,078								
Đầu hòa Funiki 18000BTU	Khoa Khám Bệnh	1	12,640			12,640	11,060	x						
Đầu hòa Funiki 18000BTU	Khoa Xét nghiệm	1	12,800			13,824	11,200	x						
Đầu hòa Funiki 18000BTU	Khoa chẩn đoán hình ảnh	1	13,824			13,824	12,096							
Đầu hòa LG 12000BTU 2 chiều	Khoa Chuyên Khoa	1	10,665			10,665		x						
inox để thức ăn (1x 0.8m) 4 tầng	Khoa Dinh Dưỡng	1	15,390	15,390			2,565	x						

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

[Signature]
Trần Thị Đào

Ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Đỗ Việt Nguyên